TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ
RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

* Vấn đề cống người vàng (II) — *Hoa-Bằng*
* Quyển Thi-văn Bình-chú (XIV) — *Nguyễn-Văn-Tố*
* Đả đảo chủ nghĩa khoái lạc... — *Phạm-mạnh-Phan*
* Văn-hóa Đông-dương... (VI) — *Ứng-Hòe*
* Đọc « Đường-thi »... — *Từ-Châu*
* Phạm-Thái (kịch dài bằng thơ, X hết) — *Phan khắc-Khoan*
* Trần-thủ-Độ (I) — *Sông-Bằng*
* Một vài kiến văn trong dịp đi thăm lăng Bối khê — *Vũ-Nga*
* Tả-quân Lê-văn-Duyệt (III) — *Nguyễn Triệu*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XXVI) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 103**
Thứ năm, 15 Juillet 1943

0$30

Vấn-đề cống người vàng (II)

KHÔNG PHẢI TRẦN, MÀ LÀ LÊ làm việc cống ấy trước

HOA-BẰNG

NHƯ một kỳ trước (T. T. số 101) đã nói, Trần đối với Nguyên, từ ngoại-giao đến quân-sự, thảy đều thắng-lợi, không chịu lún một bước nào. Cho nên suốt một đời Trần, tôi đã tra-cứu trong mục *Cống-xinh chi lễ* ở loại *Bang-giao chí* sách *Lịch-triều hiến-chương*, không hề thấy đời vua nào phải đem cống người vàng, ngoài sự đưa tặng phương-vật.

Để cho lý-luận được vững thêm, tôi xin trích dịch mấy lời « án » (xét) của Phan-Huy-Chú, tác-giả *Lịch-triều hiến-chương*, viết ở mục *Sách-phong chi lễ* trong *Bang-giao chí*, nói nhà Trần có cái đặc-điểm trong lịch-sử ngoại-giao mà chẳng thấy có ở một triều-đại nào hết :

« *Các vua nhà Trần, khi được nhường ngôi, không hề cầu nước Tàu phong cho bao giờ. Khi vua Nhân-Tông (1279-1293) lên ngôi, nhà Nguyên có sai sứ sang trách là không xin phép mà tự lập, dụ bảo nhà vua vào chầu ; nhưng vua Nhân-Tông không chịu. Cho nên Nguyên Tổ (Thế-tổ nhà Nguyên 1279-1294) chứa đầy tức-giận, nghĩ muốn gây chuyện.*

« *Năm ấy (niên-hiệu Trùng-hưng thứ hai, 1286), muốn đưa Trần-ích-Tắc về, nhưng không xong, bèn đem binh sang xâm nước Nam, rút cục chỉ chác lấy sự bại-trận.*

« *Từ đó, suốt đời nhà Trần dẫu thường có xinh-sứ (sứ giả đưa đồ cống-xinh) đi lại, nhưng đến cái lễ sách-phong thì không làm nữa.* »

***

Cống người vàng, chính bắt đầu từ đời vua Lê Thái-Tổ (1428 - 1433)

Đức Lê-Lợi, giận nhà Minh tàn ngược, vùng lên từ núi Lam-sơn. Ròng-rã trong mười năm trường mới đánh đuổi được người Minh về nước, ban bố bài cáo « Bình Ngô ». Nội các tướng Minh bị giết bởi lưỡi gươm sáng loáng của các chiến sĩ Đại Việt có Liễu-Thăng là một danh tướng của Tàu.

Tuy đã dẹp yên giặc Minh, nhưng nhân-dân còn mang một vết thương rất nặng vì bao năm tranh-chiến. Muốn chữa cho họ mau lành, vua Lê có làm mấy việc quyền-nghi trong lúc điều-đình với người Ngô : Không nghe quốc-dân xui-giục về việc thẳng tay giết hết giặc Minh cho hả lòng bấy nay căm giận, nên khi đã ký hòa-nghị rồi, tha cho bọn quan, lại, quân, dân nhà Minh được về Tàu đến hơn 86.000 người, lại cấp cho bọn Vương-Thông, tướng Minh, hơn 500 chiếc thuyền và vài ngàn cỗ ngựa để cho toàn hoạt về nước. Đó đúng như trong bài *Bình Ngô đại cáo* đã nói : « *Ta muốn cho được tuyền quân là hơn, và mong cho dân được yên nghỉ* ». Vì ý ngài đã muốn như vậy, nên phàm các việc trang-trải với người Minh, ngài phải buộc lòng làm theo quyền-biến cho được việc một lúc bấy giờ. Chính ngài chẳng những tạm-bợ trong việc lập Trần-Cao — người giả danh là dòng-dõi họ Trần — để cho mau êm cái chuyện ngoại hoạn, mà ngài lại còn phải quyền-nghi làm việc cống người vàng cho nạn can-qua khỏi kéo dài mãi.

Tôi hãy nói việc lập Trần Cao trước :

Nguyên từ năm bính-ngọ, niên-hiệu Bình-định-vương thứ chín (1426), vua Lê chiến-đấu với giặc Minh đã ngót mười năm ròng-rã rồi, lòng ngài bấy giờ chỉ mong sao đuổi quân Ngô ra khỏi bờ-cõi nước nhà sớm được ngày nào thì nhân dân sớm thoát cái nạn lầm than ngày ấy.

Đến tháng 11 năm đó (bính-ngọ 1426), Vương Thông nhà Minh, sau khi trải qua bao trận thất-bại, có ý giảng hòa, rút quân kéo về, nhưng không vin vào danh-nghĩa gì để bãi binh được. Thông dựa ngay vào lời chiếu ở đầu niên-hiệu Vĩnh-lạc (1403-1424) bảo tìm lập con cháu họ Trần, ngầm

khuyên dỗ vua Lê làm việc ấy. Bất đắc dĩ ngài phải dằn lòng ưng-thuận.

Trước đó, có Hồ-ông trốn ở nhà Cầm-Quý, thổ-quan ở Ngọc-ma (nay là phủ Trấn-định thuộc tỉnh Nghệ-an), mạo xưng là cháu ba đời vua Trần Nghệ-Tông (1370-1372), vua Lê bèn sai đón lập Hồ-ông làm Trần-chúa, đổi tên là Trần Cao, kỷ nguyên là Thiên-khánh. Còn ngài thì xưng là Vệ-quốc-công.

Sau khi được dựng làm bồ-nhìn, Cao « ngự » ở núi Không-lộ thuộc huyện Thạch-thất, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây, dưới quyền giám-chế của Lê Quốc-Hưng do vua Lê sai-phái (1).

Ngay hồi ấy, vua Lê đã thay Trần Cao, đưa tờ biểu sang nhà Minh xin phong cho Cao, nhưng nhà Minh cứ làm lơ, không nói sao cả. Qua năm đinh-mùi, niên-hiệu Bình-định-vương thứ mười (1427), vua Lê lại sai sứ-bộ Lê Thiếu-Dĩnh (2) đem biểu-văn đi với nhân-viên do Vương-Thông cất-cử cùng sang Yên-kinh để giao-thiệp về việc cầu phong này.

Nguyên-văn bài biểu bằng chữ hán, có chép ở mục *Sách phong chi lễ* trong loại *Bang-giao chí* sách *Lịch triều hiến chương* của Phan-Huy-Chú, *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 14, tờ 22 b — 24 a có dẫn đại lược, tôi xin dịch ra như dưới :

« *Khi Thái-tổ Cao hoàng-đế (nhà Minh) mới lên ngôi, ông tổ của thần là Nhật-Khuê sai sứ vào triều cống trước, thì được khen-lao và ban thưởng, phong cho tước vương. Từ đó, đời giữ cõi-bờ, không thiếu lễ triều cống.*

« *Vừa rồi, vì họ Hồ soán-nghịch, Thái-tông Văn hoàng-đế (nhà Minh) dấy binh hỏi tội. Sau khi bình-định, ngài có ban chiếu bảo kiếm con cháu họ Trần để giữ việc thờ-cúng tổ-tông. Bấy giờ quan Tổng-binh là Trương-Phụ chưa kịp tìm khắp, đã xin đặt làm quận huyện !*

« *Trước đây, thần vì trong nước loạn-lạc, chạy trốn sang Lão-qua, chỉ muốn tạm-bợ kéo dài lấy chút hơi tàn đó thôi. Dè đâu người trong nước nệ quen thói tục, nhớ nghĩ ân trạch của tổ-tiên thần, ép thần về nước. Cực chẳng đã thần phải gắng-gượng nghe theo. Sự hấp tấp này dẫu bởi người nước ép-buộc, nhưng cũng là tội thần không biết đo-đắn lo toan.*

« *Thế rồi đến trước cửa quân tạ tội, nhưng không được ai nghe. Người nước bấy giờ mới kinh hoảng, sợ phải giết gióc, bèn đem nhau phòng giữ nơi quan-ải để làm cái chước giữ mình. Nào ngờ quan quân từ xa mới đến, gặp voi, phát hãi, cùng nhau tan vỡ chạy cả. Việc đã đến thế, dẫu là một điều bất đắc dĩ của quốc-nhân, mà cũng là cái tội của thần vậy.*

« *Nhưng, bao nhiêu quan quân ngựa-nghẽo bắt được vẫn đều thu nuôi tất cả, không dám động-chạm một mảy tóc.*

« *Vậy nép mong Hoàng-thượng (Minh Tuyên-Tông, 1426-1435) làm theo lời chiếu của Thái-tông Văn hoàng-đế hỏi tìm con cháu họ Trần, nghĩ đến lòng thành của tổ phụ thần đầu tiên vào triều-cống, mà tha cho thần những tội to như gò núi, thứ cho thần cái chết dưới lưỡi búa-rìu, để cho thần được nối dõi cõi Nam, triều-cống cửa trời.*

« *Nay sai những kẻ bồi-thần thân tín sang dâng tạ biểu và đưa trả những đồ ấn-tín cùng số người ngựa đến ngoài kinh-đô. Vậy xin kê-khai từng số mục để kính tâu lên...* »

Bây giờ nói đến việc cống người vàng :

Về việc này, tôi thấy tài liệu rất đầy-đủ, có thể dùng làm nội chứng một cách rõ-ràng và chắc chắn được.

Ở mục *Cống-xinh chi lễ* trong loại *Bang-giao chí* sách *Lịch triều hiến-chương*, tác-giả Phan Huy-Chú chép rằng :

« *Vua Lê Thái-Tổ (1428 1433 đã bình-định thiên hạ, sai lũ Lê Thiếu Dĩnh, Trần Cảnh Quang và Lê Đức Huy đem xinh lễ sang nhà Minh biểu-văn và các phương-vật*. một pho người vàng thế thân (*nguyên văn chữ nho trong Lịch-triều hiến-chương là* « đại thân kim nhân nhất cá »), *một cái lư hương bằng bạc, một cái lọ bạc để cắm hoa, ba trăm tấm thổ-quyên (lụa tiền), mười bốn đôi ngà voi, 20 bình huân y hương (thứ hương ướp áo cho thơm), 3 vạn nén hương vòng (tuyến hương), 24 khoi trầm-tốc hương (trầm thơm).*

Mà trong *Khâm-định Việt-sử* quyển 14, tờ 24 cũng chép nhung phương-vật đem cống sở sai như thế, tựu trung lại nói *người vàng thế thân nhưng hai phẩ* kia (đại thân kim nhân nhị khu

(Xem tiếp trang 21)

QUYỂN THI VĂN BÌNH CHÚ

Số 14

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

X. — Dương Khuê, Dương Lâm.

Ông Ngô Tất-Tố nói cụ Dương Khuê « sinh năm kỷ-hợi (1835)..., bắt đầu thi hương, đỗ cử-nhân, khoa sau thi hội, lại đỗ tiến-sĩ, đồng khoa với ông Tam-nguyên Yên-đổ ». Nói như thế thì vừa nhầm vừa thiếu, vì cụ Dương Khuê sinh năm 1839 (là năm kỷ-hợi, Minh-mạng thứ 20). Cụ đỗ cử-nhân khoa giáp-tý (1864), đến khoa mậu-thìn (1868) mới đỗ tiến-sĩ, thế là còn cách một khoa (ất-sửu 1865), chứ không phải là đỗ hương đỗ hội liền nhau. Còn nói đồng khoa với cụ Tam-nguyên Yên-đổ, cũng sai, vì cụ Dương Khuê đỗ khoa mậu-thìn 1868, cụ Yên-đổ đỗ khoa tân-mùi 1871. Hai cụ chỉ đỗ đồng-khoa thi hương, là khoa giáp-tý 1864: cụ Yên-đổ đỗ đầu, cụ Dương Khuê đỗ cử-nhân thứ mười bốn; đến thi hội cụ Dương Khuê đỗ trước, cụ Yên-đổ đỗ sau, (xem *Quốc-triều hương-khoa lục*, quyển 3, tờ 76 a, *Quốc-triều khoa bảng lục*, quyển 2, tờ 22 a).

Ông Ngô Tất-Tố chép cụ Dương Khuê «khi về hưu trí, được thăng hàm Binh bộ thượng-thư» cũng không đúng: hai quyển chữ nho dẫn trên kia đều chép cụ khi làm tham-tá nha Kinh-lược đã có hàm thượng-thư, không phải đến khi về hưu mới được.

Đến lý-lịch cụ Dương Lâm, ông Ngô Tất-Tố cũng chép nhầm « khoa bính-dần » cụ « thi hương đậu giải-nguyên » : chính ra cụ đỗ giải-nguyên khoa mậu-dần (1878), năm Tự-đức thứ 31 (*Quốc-triều hương-khoa lục*, quyển 4, tờ 28 b).

XI. — Chu-mạnh-Trinh

Bài *Kiều chơi hội Đạp thanh* của cụ Chu-mạnh-Trinh, câu 5, 6 ông Ngô Tất-Tố chép là : « Dưới hoa nép mặt, gương lồng bóng, Ngàn liễu dong cương, sóng gợn tình ». Bản *Kim Vân Kiều tân tập* khắc bằng chữ nôm (Quan-vặn-đường, tờ 15 a) chép khác hai chữ : « rẽ hoa », chứ không phải « dưới hoa » ; « ngạn liễu », tức là bờ liễu, chứ không phải « ngàn liễu » (nếu đọc ngàn, sợ lẫn với nghìn). Câu thứ bảy ông Ngô Tất-Tố chép « Man-mác vị đâu... », ở bản nôm chép « vì ai », nghe hay hơn.

Bài *Thúy-Kiều bán mình*, ông chép câu thứ năm là « Giọt sương trĩu nặng hoa lìa gốc » : hai chữ « giọt sương » bản *Kiều* nôm (tờ 27 b) khắc là « kiếp trần ».

Bài *Tú-bà khuyên Kiều*, ông chép câu thứ hai là : « Cả-giận xui nên muốn hết khôn » ; bản *Kiều* nôm (tờ 36 a) chép là : « Cả giận thôi thôi có nghĩ khôn ». Câu thứ năm ông chép : « Hoa gieo dưới chướng... » ; chữ « gieo » ấy bản nôm chép là chữ « lìa ».

Bài *Phong-cảnh Hương-sơn*, câu thứ hai, ông Ngô Tất-Tố chép mất một chữ « nước » : chính là « Kìa non non nước nước mây mây » (*Việt-túy tham khảo*, tờ 44 a). Câu 11, ông chép : « Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình » ; hai chữ « vẽ hình » ở bản nôm viết là « hát-hình », nghĩa cũng không khác nhau mấy, nhưng tiếng « hát-hình » là tiếng cổ, nghĩa là cái hình non sông kia tự-nhiên thiên-tạo ; nay nhà địa-lý hãy còn nói tiếng « hát-hình ». Câu 18, ông chép : « Cửa từ-bi công-đức xiết là bao ! » Chữ « xiết » ấy ở bản nôm (*Việt-túy tham khảo*, tờ 44 b) viết là chữ « biết » đúng hơn.

XII. — Vũ Phạm-Hàm

Cụ đỗ thám-hoa khoa nhâm-thìn 1892 (*Quốc-triều khoa-bảng lục*, quyển 3, tờ 14 b), không phải quí-tỵ như ông Ngô Tất-Tố chép ở trang 233.

Bài *Hương-sơn hành-trình ca*, ông chép câu thứ tám là « Nào ngư-phủ nhập Đào-nguyên đâu cũng thế » : xem bản nôm (*Quốc-văn tùng-ký*, quyển hạ, tờ 93 a) thì chữ « nào » chép là « này », chữ « đâu » chép là « âu », có lẽ phải hơn. Câu 11, ông chép : « Chim trời mấy chiếc lênh đênh » : hai chữ « mấy chiếc » ở *Quốc-văn tùng-ký* (quyển hạ, tờ 93 a) chép là « bóng nước ». Câu 16, ông chép : « Núi trước núi sau mình ở giữa », xem trong *Quốc-văn tùng-ký* thì còn có một chữ « rỗ » nữa ở đầu câu. Câu 24, ông chép : « Chưa qua núi lại thấy thuyền bên cạnh núi », ở bản *Quốc-văn tùng-ký* (quyển hạ, tờ 93 b) chép là « Chưa hết núi, lại đò nghiêng bên cạnh núi ». Câu 28-29 ông chép là :

« Lòng trần-tục bỗng không thanh thảnh mát, Cao chót-vót mấy tòa cổ-sát ». Bản chữ nôm (*Quốc-văn tùng-ký*, quyển hạ tờ 93 b) chép là : « Lòng trần-tục bỗng không thanh-thảnh lại. Cao chót-vót một tòa cổ-sái. Kìa chi chi nọ trái Thiên-trù ! » Vì câu trên ông Ngô Tất-Tố đã chép nhầm chữ « lại » làm chữ « mát », nên chữ « sái » ở câu dưới ông phải đọc là « sát » cho đúng vần ; nhưng dẫu có đọc là « sát » nữa, cũng không làm sao đung với chữ « trái » ở âu dưới được. Câu 31, ông chép : « Trăng thanh gió mát một khu », chữ « khu » này ở *Quốc-văn tùng-ký* (quyển hạ, tờ 93 b) chép là chữ « bầu », có lẽ hay hơn. Câu 34, ông chép « Càng nhìn lâu, càng rõ càng xinh » : xem trong *Quốc-văn tùng ký* thì chép là : « Nhìn càng lâu, càng lạ, càng xinh », nghe hay hơn, và chữ « lạ » mới đúng vần « khóa » ở câu trên, là câu : « Động đào đã dan tay mở khóa ». Câu 38, ông chép « Đường lên liên, đây là suối Giải oan » : chữ « là » bản nôm chép chữ « đến », có lý hơn. Câu 40, ông chép « Thế mới biết thần tiên là diện thú » : chữ « là » bản nôm chép chữ « chi ». Trang 236, dòng 1, ông chép : « Trèo qua một bậc trấn song » : chữ « bậc » ấy bản nôm viết là chữ « dịp », có lý hơn. Dòng 4, ông chép « Mảng vui chơi mà quên phứt đường xa » : chữ « phứt » này ở bản nôm là chữ « bặt » mới đúng vần. Dòng 6, ông chép : « Trông chân-cảng, nhìn ngoài ra chân vị » ; ở bản nôm (*Quốc-văn tùng-ký*, tờ 94 a) chép chữ « trông » là chữ « rong », và không có chữ « ngoài ». Dòng 7, ông chép « Trong bụi rậm đàn chim thỏ-bẻ » : ba chữ « Trong bụi rậm », ở bản nôm chép là « Trên động biếc » ; như thế mới cân với câu « Dưới cây xanh mấy chị tìm mơ ». Trang 237, dòng 1, ông chép « Giục lòng khách, năm canh chải chuốt » : hai chữ « chải chuốt » không đúng ; bản nôm (*Quốc-văn tùng-ký*, quyển hạ, tờ 94 b) chép là « hảo-hức », có lẽ hay hơn, và mới đúng vần « ước » ở cuối câu dưới.

XIII. — Tú Xương

Bài *Mùa hè mặc áo bông*, câu thứ hai, ông Ngô Tất-Tố chép là « Tưởng rằng ốm dậy, hóa ra không » : chữ « hóa ra » ở bản nôm *Việt-túy tham-khảo*, tờ 15 a) chép « chẳng là », có lẽ hay hơn. Câu thứ ba, ông chép « Một tuồng rách-rưới con như bố » bản nôm chép là « một đàn ». Câu thứ năm, ông chép « Đất biết bao giờ sang vận đỏ », bản nôm chép là « Đất chửa đến khi cơn vận đỏ » : như thế đối với vế dưới : « Giời làm cho bỗ lúc chơi ngông », thì mới cân.

Bài *Lạc đường*, ông Ngô Tất-Tố chép câu thứ nhất là « Một mình đứng giữa quãng trơ-vơ » ; hai chữ « trơ-vơ » ở bản chữ nôm (*Việt-túy tham-khảo*, tờ 17 a) chép là « đường xa » ; nếu chép « trơ-vơ » thì đã không có nghĩa, mà lại trùng vần với câu thứ tư có chữ « bơ-vơ ». Vân vân.

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

TRẠI THANH-NIÊN

ở Sơn Lô-ô (Ga-đình)

Do Sinh-viên Nam-kỳ tổ chức dưới quyền bảo trợ của Tổng Hội Sinh Viên trường Đại học Hanoi, từ 1er đến 31 tháng 8 tây năm 1943.

Mục đích : 1) Luyện cho thanh niên tráng kiện và biết tuân theo kỷ luật ; — 2) Tập cho thanh-niên biết đời sống của dân quê

Thanh niên Nam-kỳ !

Đến dự trại giữa các anh em Sinh viên để tìm những ngày vừa vui thú vừa có ý nghĩa ; để luyện tập mình và giúp ích cho kẻ khác

Ghi tên đi dự trại tại :

nhà thuốc tây cả-kim Quan Saigon — Trại Trưởng Đặng-văn Chung Nội trú viên các nhà thương Hanoi

Đến dự trại, nên :

1· Ghi tên trước ngày 10 tháng 7 tây định trước ngày nhập trại và ngày ra. — 2· Các trai sinh dưới 21 tuổi, kèm theo đơn, giấy phép của cha mẹ 3· Đem theo quần, áo cụt 4· Đem theo mùng, chiếu. Ban tổ chức sẽ cất nhà cho ở. 5· Đem theo chén, bát hoặc gamelle để ăn cơm.

Ban tổ chức sẽ lo cơm nước cho tất cả trai sinh.

Các ban làm việc :

1· Ban thể dục. — 2· Ban âm nhạc — 3 Ban canh nông — 4 Ban truyền bá quốc ngữ — 5 Ban truyền bá luật học, chi ngành của Ban truyền bá luật học của T H. S. V 6 Ban truyền bá vệ sinh và Tân y học, chi ngành của ban truyền bá vệ-sinh và tân y học của T H S.V.

Gia nhập vào các ban ấy, tùy sở thích của mỗi người để tập phụng sự quốc gia

Bảo vệ gia đình Việt-nam

Đả đảo những nô lệ của chủ nghĩa khoái lạc trong đám thanh niên trí thức

PHẠM MẠNH PHAN

SỰ tình cờ của lịch-sử đã cho dân tộc Việt nam ta làm quen với học thuật và tư tưởng Âu tây trong non thế kỷ.

Dải đất chữ S này đã là trường thí nghiệm cho cuộc phối hợp tinh thần của hai nền van minh Âu Á.

Có mới nới cũ, đó là lẽ thường của lòng người ham thanh chuộng lạ: những lý thuyết cao siêu, những tư tưởng đẹp đẽ là can-bản của nền học thuật Khổng, Mạnh nay nhường như bị xao-nhãng và thờ ơ lãnh đạm.

Đứng trước những lý thuyết mới của học thuật thái-tây, người ta như thấy say mê quyến rũ.

Một số thanh niên trí thức của nước ta, sau khi hấp thụ được chút học vấn, đã bị lạc đường trong hành vi và tư-tưởng.

Rời bỏ ghế nhà trường, một phần đông trong bọn đó nhãng quên những tư-tưởng cao xa, những lý thuyết thâm thúy đã thu nhập được mà chỉ nhớ lấy những điều cạn bã, những chủ nghĩa phá hoại dễ quyến-dũ, dễ nhầm lẫn, rồi vội đem thực hành ngay trong đời sống của họ.

***

Một số thanh niên trí thức đó vì bỏ cuốn sách hoặc tự kiếm ăn hoặc sống tầm gửi dưới bóng gia đình liền không nghĩ gì đến những nhiệm vụ thiêng liêng đối với nước, với nhà mà chỉ hòng sống một cuộc đời phóng phiếm, sống thì, sống giờ, sống ngày nay không biết đến ngày mai.

Cái chủ nghĩa được họ say-sưa ca tụng, được họ quỵ lụy tôn thờ coi như chiếc kim chỉ-nam cho đời họ là chủ nghĩa khoái lạc đang làm mù quáng mắt họ một cách đáng thương!

Số người ấy không phải là ít. Phần đông là những người sống trong những gia đình giầu có không phải eo sèo về kế mưu sinh, óc không phải vật lộn với cuộc sống gay go của đời thực tế.

Vùng vẫy trên đống tiền mồ hôi nước mắt của ông cha họ đã tốn bao công dành - dụm, họ đem ném tiền qua cửa sổ mà làm nô-lệ cho thần khoái lạc.

Hoặc ruồng bỏ gia đình, họ lao mình trong cuộc sống phiếm đãng không bó buộc.

Hoặc khư khư ôm chủ nghĩa độc thân để được sống ngoài vòng gia pháp, họ từ chối hết thảy những bổn phận làm con, làm dân.

Đối với họ, lẽ sống duy nhất của đời người là khoái lạc. Chỉ có khoái lạc là hơn cả, là đáng tôn trọng, là đáng thờ phụng, còn những cái thiêng liêng khác đều không đáng đếm - xỉa.

***

Những trang thanh niên ấy đem hết cả chí hăng hái của tuổi thiếu thời vàng ngọc mà sống lăn-lóc bên cạnh những gái giang hồ đàng - điếm.

Hàng ngày, họ thở hút những không khí dâm bôn. Hằng ngày, họ cúi mình vâng theo những mệnh lệnh đầy tội ác của thần Vệ nữ.

Trước mắt họ chỉ có vẻ đẹp mê hồn của gái đĩ mượn mầu son phấn là đáng kể.

Trước mặt họ chỉ có sự sống bừa bãi để thỏa mãn một cách đê hèn những tiếng kêu gào hạch sách của xác thịt là đáng ca tụng.

Những tâm hồn trống-rỗng ấy không còn giờ phút nào nghĩ đến danh dự của đoàn thể, đến sự bảo tồn gia đình đất nước và sự thịnh suy của giang sơn bờ cõi.

Sống trong xứ-sở mà ông cha chúng ta đã gìn giữ bằng biết bao xương máu, họ tưởng chừng như bị đầy đọa nơi xa lạ không ai đủ sức để hiểu họ.

Họ sống bo bo ích kỷ, ngoài khuôn vòng bổn phận.

Họ chỉ biết tôi tớ cho xác thịt họ, miễn sao được sung sướng về đường vật chất, miễn sao đủ tiền tài mà cung cấp cho những cuộc hành lạc trác táng đầy tội lỗi.

Nay họ chung sống với gái đĩ này trong một thời hạn nhiều lắm là dăm sáu tháng rồi một khi đã chán nản họ bèn thay người bạn tình mà sống tạm bợ với những gái đĩ khác. Gia đình không đủ quyền kiềm tỏa họ vì họ đã tới tuổi trưởng thành. Pháp luật không

đủ năng lực mà trị tội họ vì họ vin vào tự-do cá nhân mà hành động. Rồi cứ lần theo nhịp sống ấy, họ kéo lê cuộc đời trụy lạc của họ cho đến lúc thân tàn ma dại hoặc đến khi thần Chết đem lưỡi liềm giải thoát đón họ về bên kia thế giới!

Với một tâm hồn ốm yếu chứa đầy những tư-tưởng sai lầm tai hại, với những quan niệm ích kỷ về nhân sinh, họ đang là những nạn nhân của cái văn minh vật chất đã ồ ạt nhập cảng vào đất nước này.

Những trang thanh niên không cỗi rễ ấy đã già trước tuổi, đã chết trước khi sống. Mà ái ngại thay họ nào có biết!

Họ không biết gì hết ngoài sự khoái lạc! Họ không nghĩ gì hết ngoài bản thân họ.

Óc họ rỗng, Lương tâm họ đang bị chôn vùi dưới lớp bùn nhơ trụy lạc.

Ngoảnh về quá khứ, những nạn nhân ấy chỉ thấy quá khứ là một bầu trời đen tối không dấu vết. Ngắm đến hiện tại, họ cho hiện tại là những giờ buồn tẻ chỉ có khoái lạc mới đủ làm tươi sáng lòng họ. Trông về tương lai, họ cho tương lai là những chuỗi ngày ảm đạm, nên họ cần phải có những cuộc cười thâu đêm xuốt sáng để du ngủ tâm hồn họ!

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Sức mầu nhiệm của tôn giáo thiêng liêng không đủ cám dỗ họ mà bắt họ phải ép mình vâng lệnh.

Những khuôn vàng thước ngọc của nền luân lý Khổng,Mạnh không có cách gì mà cảnh tỉnh mà sai khiến họ.

Những lý tưởng cao siêu đối với họ chỉ là những chữ vô nghĩa không đáng kể.

Không bao giờ họ gắng sức để cố đi trên con đường vinh quang mà tìm lấy một sự nghiệp.

Không bao giờ họ để tâm thiết tha đến người đồng chủng mà hòng mong giúp đỡ trong muôn một.

Những trang thanh niên ấy, bề tôi trung thành của chủ nghĩa khoái lạc, ngày càng thêm đông trong xã hội Việt nam này,

Họ phần nhiều là những người có học thức đôi phen có địa vị trong xã hội nên những cử chỉ hành vi của họ được lớp thiếu niên ngờ nghệch mới nhớn lên đặc biệt chú ý.

Vì vậy, với tháng ngày họ đã tuyền được biết bao đồng chí mù quáng theo họ. Với những hành vi sai lầm họ đã gieo tai rắc họa cho đất nước một cách tai hại không ngừng.

Hằng ngày họ công nhiên phá hoại, cơ-sở cố hữu của gia đình Việt nam. Luôn luôn họ mạnh bạo giáng những nhát búa tai hại vào cái nền tảng đang bị lung lay ấy.

***

Nếu những thanh niêm có học thức và trác táng ấy không bị lột mặt nạ thì đội quân trụy lạc do họ cầm đầu ngày càng thêm đông. Những ảnh hưởng tai hại của họ không phải là nhỏ vậy.

Nếu họ không dìu dặt vận mệnh quốc gia đến chỗ ngang ngửa tan tành thì họ, cũng sẽ xô đẩy tương lai đất nước đến bến đau thương.

Những con chiên ghẻ ấy trong đám thanh niên cần phải bài trừ cho triệt-để. Những hành vi mờ ám, phản-luân-lý của họ phải đem phơi ra ánh sáng mà tố cáo với công luận của người đất nước.

Điều kèn phục hưng gia đình và tổ quốc của Thống-chế Pétain nhường như hãy còn inh-ỏi bên tai.

Và hòa theo điệu ấy, một phần đông dân đất Việt này đã như nhận chân thấy nhiệm vụ của mình trước cuộc thử thách gay-go của thời cuộc.

Những trang thanh niên trí thức lạc đường cần phải được những dư luận chính đáng cảnh cáo.

Những kẻ u mê đang triền-miên trong cơn ác mộng khoái lạc cần phải lay ngay cho tỉnh.

Những lý-thuyết tai hại phản-tiến-bộ cần phải thẳng tay đả đảo để bảo vệ lấy những gia đình, nền tảng vững vàng của tổ quốc Việt-nam.

PHẠM-MẠNH PHAN

Sắp có bán

QUÊ HƯƠNG

NGUYỄN TUÂN

Gần 500 trang. — Ấn loát công phu. Bản thường: 4$50. Bản quí: 20$

Anh Hoa

69-Rue du Charbon-Hanoi

Thư và tiền đề tên
ô. Mai-văn-Phúc

VĂN HÓA ĐÔNG DƯƠNG

Số 6

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đế-thiên Đế-thích (Angkor) xây đi xây lại nhiều lần, làm kinh-đô cho nước Cao-miên đến hơn năm trăm năm. Trong thời-kỳ ấy, có một khoảng vào độ hai-mươi năm (từ năm 921 đến năm 944), vua Jayavarman IV và vua kế-thống dời kinh-đô đến ở một tỉnh khác, tên là Koh Ker. Ở tỉnh này hiện nay hãy còn những đền-đài đổ-nát làm di-tích.

Văn hóa Cao-miên dựng lên ở Đế-thiên Đế-thích; ở đấy hãy còn những cung-điện xây bằng đá, trông rất tráng-lệ huy-hoàng, đủ biết cái văn-hóa Cao-miên về đời xưa vĩ-đại biết chừng nào! Đế-thiên Đế-thích có thể ví như một cái lò nung đúc văn-hóa Ấn-độ cho Đông-dương, như chỗ trung-tâm để truyền-bá đi các nơi: nhờ có chỗ đó mà văn-hóa Ấn-độ đi sâu vào giữa đất Đông-dương, nhất là những chỗ người Thái ở, trên bờ sông Mékong và sông Ménam.

Vào thời-kỳ Đế-thiên Đế-thích, Cao-miên dựng rất nhiều đền đài cao lớn, phần nhiều có năm cái tháp sắp lại hình ngũ điểm (bốn cái bốn góc, một cái ở giữa) xây trên một cái đồi hình chữ kim, xung quanh có hành-lang cùng một trung-tâm, như đền Mebon, Prè Rup, Ta Kèo, Baphuôn. Những đền nguy-nga rực-rỡ hơn cả, như đền Angkor Vat, là những tòa lâu-đài để kỷ-niệm người chết: trong điện chính bầy những pho tượng thần Ấn-độ, nhưng tạc hình người đã được phong thần; có lẽ có di-hài để ở dưới chân tượng.

Đến cuối thế-kỷ thứ mười-hai, những pho tượng ấy đúc ra nhiều lắm, mà hình như đúc « từng dãy một », thành ra mất cả cái tinh-thần và tài kỹ-xảo của mỹ-thuật Ấn-độ. Tô-điểm đền chùa, thì về thời Đế-thiên Đế-thích, phong-phú đến cực-điểm: xem những ngôi tháp ở Banteay Srei cũng đủ rõ.

Bia khắc ở các đền đài, vừa làm bằng thơ, vừa làm bằng văn xuôi: thơ thì dùng chữ phạm, văn xuôi thì dùng chữ Cao-miên: đó là cái chứng-cớ chắc-chắn là văn-chương Ấn-độ đã thấu-nhập đến Cao-miên rất sâu và tỏ ra rằng cái bản chất của dân Cao-miên vẫn không đổi, tiếng nói vẫn y-nguyên.

Nhờ có những bia ấy mới biết được một cách hơi chắc-chắn rằng vua nọ kế-tiếp vua kia, và biết được phần nhiều những đền-đài xây dựng lên từ năm nào. Nhân đấy lại biết được cả những chế-độ và tôn-giáo của người Cao-miên đời xưa như thế nào. Chế-độ và tôn giáo ấy đều bắt-chước Ấn-độ, nhưng cũng có cái còn theo phong tục cũ, như tục mẫu-quyền và việc thờ-cúng người chết đã được phong thần.

Từ thế-kỷ thứ chín đến thế-kỷ thứ mười-hai, vua Cao-miên thống-trị cả lưu-vực biển hồ và hạ-lưu sông Cửu-long, mở rất nhiều đường, và khai sông đào để làm việc dẫn thủy nhập điền.

Vua Sûryavarman I (1002-1049) đi chiếm đến tận lưu-vực sông Ménam; vua Sûryavarman II (từ năm 1113 đến độ năm 1145) đem binh đi đánh người Việt-Nam và người Chiêm-thành. Người Chiêm-thành chống lại kịch-liệt, tràn sang đến tận Đế-thiên Đế-thích, cướp phá nước Cao-miên năm 1177, làm cho vua Jayavarman VII (1181-1201) là vua cuối cùng trong các bậc vua anh-hùng của Cao-miên, phải xây lại Đế-thiên Đế-thích vào cuối thế-kỷ thứ mười hai, và xây lũy đào hào, tức là thành Đế-thiên Đế-thích bây giờ. Vua ấy cho lệnh sửa-sang các đường trong nước, làm cho dân 102 bệnh-viện, xây những đền-đài to lớn bằng sa-thạch, thường gọi tên là Ta Prohm, Banteay Kdei, Prah Khan, Banteay Chhmar, Bayon, phần nhiều chạm mặt người trên đầu tháp: người ta cho là chính nét mặt vua Jayavarman VII tự coi mình như Phật giáng thế.

Xây đắp như thế, cho nên dân phải kiệt lực. Đến thế-kỷ thứ mười-ba đạo Ấn-độ (hindouisme) và đạo Phật đại-thừa phải nhường chỗ cho đạo Phật của người Tích-lan mang lại; đạo này làm cho mỹ-thuật Cao-miên phải khô-khan đi.

Trong nước thì bị Xiêm là nước ở giáp giới phía tây sang đánh thế rồi suy dần đi. Về thời trung-cổ và thời cận-đại sử Cao-miên chỉ thấy chép đánh nhau với Xiêm-la và Việt-Nam; nếu không có nước Pháp can thiệp đến thì nước Cao-miên ngày xưa thịnh vượng như thế, đến phải chia cho hai nước láng giềng. (Lược dịch bài G. Cœdès, *Les Civilisations de l'Indochine*, theo bản thảo của tác-giả) *(Còn nữa)*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bổ chính

TUY là tạp-chí ra hàng tuần, nhưng bản thảo không kịp đánh máy, phần nhiều phải viết tay. Riêng phần tôi, đã hết sức viết cẩn-thận, thế mà cũng còn có nhiều chỗ in nhầm và thiếu sót. Nhưng tôi vẫn chắc rằng độc-giả xem đến đâu đã tự chữa giúp cho đến đấy rồi, nên tôi không cải-chính, muốn để đăng bài khác còn có ích hơn.

Như những chữ « nữ-tường » in nhầm ra « nữ-tướng » trong bài *Angkor* (số 2), trang 12, cột 2), « Chiên-đàn » in nhầm ra « Thiên-đàn » trong bài *Phan-thanh Giản* (số 97, trang 1, cột 2), « cãi lẫy » in nhầm ra « cãi lẫn » trong bài *Hồ Xuân-Hương* (số 101, trang 5, cột 1), « về đường dân-chủng » in nhầm ra « về đời dân-chủng » trong bài *Văn-hóa Đông-dương* (số 101, trang 17 cột 2), những chữ nhầm như thế nhiều lắm, giá chữa ra đây thì phải hết đến mấy cột báo. Độc-giả có viết thư bảo tôi nên cải-chính, nhưng tôi thấy độc-giả đã biết cả rồi, nên tôi vẫn do-dự.

Nay sở-dĩ viết riêng ra mấy dòng đây, là vì có mấy chữ thuộc về lịch-sử và văn-học, độc-giả bảo tôi cần phải nói rõ hơn lên, kẻo có người nhầm. Như số 85 (ngày 4 Mars 1943, trang 15, cột 1), trong bài *Vết-tích thành Đại-la* tôi chép: « Có viên gạch khắc chữ « Tam-phụ-quân » của một vị quan to được phụ-chính nhà vua. Sử không chép « Tam-phụ-quân », nhưng có chép vua Trần Nghệ-tông cho Hồ Quý-Ly bức tranh tứ-phụ ». Đoạn này vì bỏ sót mất chữ « quân » ở dưới chữ « tam phụ », trên chữ « nhưng », cho nên có đến bốn năm độc-giả viết thư cho tôi, nói rằng: sử có chép chữ « tam-phụ » về đời Hồ Hán-Thương (hoặc Xương). Sử có chép thực, như bộ *Đại-Việt sử ký* (quyển 9, tờ 35 a-b) nói « Hán-Thương lấy Thanh-hóa phủ-lộ làm ba nơi phụ-tá cho kinh-kỳ (*kinh-kỳ tam-phụ*), đổi phủ Thanh-hóa làm phủ Thiên-xương, cùng với Cửu-chân, Ái-châu làm ba nơi phụ-tá; lại đổi Diễn-châu làm phủ Linh-nguyên, gọi tóm-tắt cả là bốn nơi phụ-tá » (*tinh vi tứ phụ*).

Còn bộ *Khâm-định Việt sử thông-giám cương-mục* (quyển 12, tờ 1 a) thì chép năm quí-mùi (1403) hiệu Khai-đại thứ nhất nhà Hồ, « đặt bốn nơi phụ-tá cho kinh-kỳ (*Tri kinh-kỳ tứ-phụ*); thành Tây-đô đã làm xong, Hán-Thương lại đổi phủ Thanh-đô làm phủ Thiên-xương, phủ Diễn-châu làm phủ Linh-nguyên, cùng với Cửu-chân, Ái-châu là bốn nơi phụ-tá » (*tinh Cửu-chân Ái-châu vi tứ-phụ*).

Cứ xem như hai đoạn sử ấy, thì quyển *Đại-Việt sử ký* có chép chữ « tam-phụ », nhưng tam-phụ đây là ba phần trong bốn phần về việc phụ tá của đời Hồ, chứ không phải là một chuyện chính, cho nên bộ *Khâm-định Việt sử* chép hẳn đầu bài là *Tứ phụ*. Vả lại sử chỉ chép có hai chữ « tam-phụ » chứ không chép đủ cả ba chữ « Tam-phụ-quân », như ba chữ khắc trên viên gạch Đại-la. Vì thế tôi không dám gán viên gạch ấy vào đời Hồ, chỉ nói rằng vua Trần Nghệ-tông cho Hồ Quý-Ly bức tranh tứ-phụ. Nhân tiện tôi dẫn thêm một câu vào chỗ tháp Đại-la. Ở số 86 (ngày 11 Mars 1943, trang 6, cột 3) tôi có nói tháp Phật (chữ phạm gọi là *stûpa*) làm bằng đất nung, đào thấy nhiều lắm ở vùng Đại-la, Bãi Cháy, v. v. trông giống tháp đời Đường, đời Tống; lúc in bài bỏ sót mất câu chú-dẫn như sau này: « Những mẫu tháp đời Đường đời Tống có chụp ảnh trong sách Edouard Chavannes, *Mission archéologique dans la Chine septentrionale*, ở tờ tranh 232, 252, hình 364, 384 ».

Số 94 (trang 10, cột 3), ở bài *Tôn-giáo Việt-Nam*, về chữ lục kinh, in thiếu chữ « sau » trước chữ « khi », nên có một độc-giả giấu tên gửi thư bảo tôi chữa lại; nay tôi nói rõ ra như sau này: khi đức Khổng tử sửa lại, thì còn đủ sáu kinh; vì kinh Nhạc mất về đời Tần, cho nên hiện giờ chỉ còn có năm kinh, là kinh Dịch, kinh Thi, kinh Thư, kinh Lễ và kinh Xuân Thu.

(*Xem tiếp trang 20*)

Muốn làm giàu mau vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

ĐỌC « ĐƯỜNG THI »

của Ngô Tất-Tố

TỬ CHÂU

LÂU nay tôi vẫn yên chí rằng, ông Ngô Tất-Tố là một nhà nho có cái học-vấn kha khá. Bởi vậy ông có biên tập được mấy quyển sách về văn chương và tư tưởng, tôi thường khuyên những bạn trẻ nên mua đọc, để được nhòm biết ít nhiều cái nền cổ học của Đông-phương. Nhưng gần đây, thấy trên tờ tạp-chí Tri-Tân, các nhà học-giả đã bình-phẩm chỉ-nghị về sách vở của Ngô rất nhiều. Xem những bài ấy, tôi không thể không sinh mối lòng nghi ngờ đối với cái học của ông Ngô Tất-Tố. Bởi nghi ngờ, tôi nghĩ đến sự đem những quyển sách của ông ra để thử kiểm điểm, thì tôi đã đọc quyển « Đường thi ».

Đọc xong quyển này, tôi bất giác thấy một nỗi buồn bâng khuâng, cái buồn của kẻ bị mất ở trong lòng một cái gì mình vẫn tin cậy.

Quyển « Đường thi » của ông Ngô Tất-Tố, tôi thấy những bài dịch vần, đã làm giảm giá cho thơ Đường chẳng phải là ít, so với những bài của Tản-Đà đã dịch đang ở báo « Ngày Nay » độ trước, thật là hơn kém khác nhau nhiều. Song cái hay cái dở của văn chương, nói ra chẳng phải dễ dàng, mình bảo thế là dở, nhưng người ta cứ cãi là hay, có khi là độc cãi lộn đôi nhời không cùng [illegible]n. Âu là tôi bỏ cái phần ấy không [illegible]i, để nhường sự phẩm bình cho [illegible]ác bạn đọc, bài này chỉ xin trỏ [illegible]a những chỗ rất sai lầm trong quyển Đường thi, những cái sai lầm nặng nề mà tôi tưởng không đến nỗi có ở nhà văn ấy.

Đường thi trang 20, chép truyện Lý-Bạch, biên-giả có nói như thế này: « Vì khi thụ thai, bà mẹ có mơ thấy sao trường-canh sa vào trong lòng...»

Xét trong các sách viết về sự tích Lý-Bạch, đều thấy có một câu nói này: « Kinh-khương chi tịch, trường canh nhập mộng », nghĩa là : đêm hôm kinh-khương, bà mẹ chiêm bao thấy sao trường-canh. Đêm kinh-khương mà ông Tố dịch nghĩa là *khi thụ thai* thì thật đã sai lầm một cácb tức cười. Khi thụ thai, ta phải hiểu nghĩa là khi người đàn bà bắt đầu nhận lấy cái thai chứ không phải khi đương có thai, vì nếu muốn nói khi đương có, phải gọi là khi hoài thai. Kinh-khương mà dịch nghĩa là thụ thai, vậy *kinh-khương chi tịch* tức là cái đêm thụ thai. Thử hỏi xưa nay có bao nhiêu người đàn bà biết rõ được cái đêm thụ thai của mình ?

Thực ra kinh-khương có phải cái nghĩa như thế đâu! Kinh-khương chính nghĩa là đẻ. Nguyên xưa bà Vũ Khương là vợ vua Trịnh Vũ-công có mang, một đêm bà bừng tỉnh giấc ngủ, thấy đã đẻ ra một đứa con giai, vì đẻ bất ngờ nh r thế, nên bà kinh hãi hoảng hô rồi đặt tên cho đứa con ấy là N ộ sinh ; Ngộ-sinh nhớn lên làm ớc Trinh, tức là Trịnh Trang-công. Trong sách Tả-truyện chép về việc này, có câu : « Trang công ngộ sinh, kinh Khương thị » nghĩa là vua Trang-công sinh trái thường (1) làm kinh bà Khương Từ đấy người ta thường dùng chữ kinh-khương để trỏ về khi sinh sản. Vậy mà ông Tố đã không hiểu cái nghĩa giản dị của hai chữ này, nên mới có sự dịch lầm buồn cười như trên ấy.

Trang 59, trong bài « Thục đạo nan », có câu « môn sâm lịch tỉnh ngưỡng hiếp tức ». Câu này tả đi trên đường núi cao quá, ngẩng lên thấy như có thể sờ mó được vào sao Sâm sao Tỉnh, sợ hãi đến phải nín thở. Hai chữ hiếp-tức vẫn thường đi đôi với nhau ở trong văn Tàu. Như ở Hán-thư có câu : « hảo cường hiếp tức », ông Nhan Sự-Cổ chua rằng : « hiếp nghĩa là thu-liễm lại, nén hơi mà thở ». Ở bài phú Cao-đường có câu : « Hiếp tức tăng hy », ông Lý Thiện chua : « hiếp tức nghĩa là chùn hơi lại ». Chữ « hiếp » còn có một nghĩa là « sườn », bởi vậy Hồ Tam-Tỉnh còn chua thế này : « hiếp tức nghĩa là nén hơi, mũi không dám thở, chỉ hai bên mạng sườn khẽ động để thông chút hơi mà thôi.» Ta thường có chữ « nín thở » để tả khi sợ hãi hồi hộp, vậy chữ *hiếp tức* dịch ra là *nín thở* thì thật rất đúng.

Song ông Ngô Tất Tố ở trang 64 trong quyển *Đường thi*, ông đã dịch ba chữ *ngưỡng hiếp tức* là *vươn ngực mà thở*. Dịch như thế tỏ rằng họ Ngô chưa từng biết hai chữ *hiếp tức* là một tiếng đôi trong văn Tàu vẫn đã thường có, lại đi cắt rời tiếng đôi ấy để dịch *ngưỡng hiếp* là *vươn ngực*. Ngưỡng hiếp nếu dịch cho đúng

phải là *ngửa sườn*, nhưng ngửa sườn sợ không có nghĩa, họ Ngô phải đổi ra là vươn ngực. Thử hỏi xưa nay chữ hiếp có nghĩa là ngực bao giờ không? Nguyên nghĩa của người ta là « ngẳng lên nín thở », nghĩa là thở rất ít, đằng này lại dịch là « vươn ngực mà thở », nghĩa là thở rất nhiều. Cái sự không thông văn-lý mà dịch sằng viết nhảm như thế thật là tai hại cho người đọc.

Đến bài thơ « Ai giang đầu » của Đỗ Phủ, in ở từ khoảng trang 73 đến trang 78, ông Ngô Tất-Tố cũng lầm nhiều chỗ quan hệ lắm:

Thiếu-lăng là tên một cái lăng đời Hán, vậy mà ông Tố lại đem dịch ra là cồn Thiếu. Nguyên ở phía tây-nam thành Tràng-an chừng 40 dặm có một cái tên đất gọi là Đỗ-bá sau vì có lăng vua Tuyên-đế nhà Hán ở đấy, nên đất ấy người ta gọi là Đỗ-lăng. Cách Đỗ-lăng không xa, có một cái lăng của bà Hứa hoàng-hậu, vì nó bé nhỏ hơn nên người ta gọi là Thiếu-lăng. Vậy chữ lăng ấy tức là lăng-mộ chứ không phải là cái cồn, mà chữ thiếu đã thành tên của cái lăng. Người ta không thể dịch Thiếu-lăng ra là cồn Thiếu, cũng như người ta không thể dịch Xương-lăng Khiêm-lang ở Huế bây giờ là cồn Xương cồn Khiêm được.

Cũng trong bài ấy có hai câu:

Thanh Vị đông lưu, Kiếm các thâm
Khứ trụ bỉ thử vô tiêu tức.

Nghĩa là sông Vị trong chảy về phía đông, núi Kiếm-các sâu, sông kia đi, núi nọ đứng, đều bặt không có tin tức. Vậy mà chỉ vì chữ *trụ* 住 giống với chữ *vãng* 往, nên ông Tố đã lầm mà chép và phiên âm:

Khứ *vãng* bỉ thử vô tiêu tức.

Khứ là đi, trụ là đứng, nó mới có nghĩa ở chỗ này, chứ khứ với vãng đều là đi, không còn ra nghĩa gì cả.

Cuối bài có hai câu:

Hoàng hôn Hồ kị trần mãn thành
Dục vãng thành nam vọng thành bắc

Nghĩa là chiều tối ngựa Hồ giong ruổi bụi tung đầy thành, mình muốn đi về phía nam thành nhưng vì mê lạc lại cứ trông mà đi về phía bắc. Vậy mà ông Ngô Tất Tố lại giải nghĩa ra thế này: « Muốn đi quá xuống phía nam thành để trông lên phía bắc thành xem rằng cung điện nhà vua khi trước, bây giờ thế nào », và dịch vần là: « muốn sang Nam-quận ngó qua Bắc thành ». Tại sao muốn xem cung điện ở phía bắc Đỗ Phủ không đi thẳng lên phía bắc, lại *muốn đi quá xuống phía nam* rồi mới trông xem thì trông làm sao? Nhất là lại *muốn sang* tận Nam-quận để mà chỉ *ngó qua* lên Bắc thành, cái *muốn* ấy của Đỗ Phủ phải là cái *muốn* của một người dở hơi, hay là cái *muốn* của người sẵn có một cặp thiên-lý nhỡn. Nhưng không, Đỗ Phủ không hề dở hơi, cũng không sẵn có một cặp thiên-lý nhỡn, chẳng qua chỉ vì ông Ngô Tất-Tố đã không hiểu nghĩa câu thơ này

Mong rằng ông Ngô Tất Tố sau đây nếu có làm sự biên dịch, nên chịu khó tìm hiểu nghĩa sách cho rõ ràng hơn, để khỏi đưa độc giả vào đường lầm lẫn.

TỪ CHÂU

1) Chữ ngộ sinh có thể giải ra ba nghĩa: 1) sinh ngang hay ngược 2) sinh trong lúc người mẹ đương ngủ, 3) sinh ra liền mở mắt tỉnh táo

HỒ BA BỂ
là một thắng-cảnh của đất nước. Muốn biết rõ
HỒ BA BỂ?
xin mời các bạn hãy thần du với tác-giả tập du-ký
HỒ BA BỂ
ghi chép rất rành-mạch, sửa lại rất kỹ-càng, in đẹp, giấy tốt, nhiều tranh-ảnh, bìa hai màu.
in tại nhà in Tri-Tân
giá 2$00 một cuốn.
Có bán khắp xứ Đông-pháp và tại địa-chỉ tác-giả Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẤU Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-kỳ Hanoi.

Cùng các quý độc-giả

Chúng tôi vẫn gửi báo đều đến các độc-giả mua năm. Mỗi khi đem báo ra nhà bưu điện đều có vào sổ ký nhận và kiểm-soát rất cẩn thận.

Vừa rồi chúng tôi có nhận được thơ của một vài độc-giả phàn-nàn về việc mất báo. Thật là một sự đáng tiếc.

Bản chí đã có thơ trình việc mất báo ấy với quan Chánh sở bưu điện để ngài xét. **TRI-TÂN**

Rời xa mãi...
Mặc cây núi ngàn năm sương khói phủ...
Mặc ngàn năm, gió hận rít cơn sầu!

Mặc ngàn năm...
Không, ta không về, không trở lại, không, không đâu...
Xin gửi lại hồn ta nơi đá núi,
Nơi tiếng mõ ngại ngùng gieo bóng tối,
Nơi trời ơi, ảo não giọng từ quy;
Nơi... giờ đây ta lìa rẽ, bước ra đi...

Bước ra đi!
Nước non... ngàn dặm... bước lưu ly...
Cái tình chi?...

(Hai câu sau này có thể hạ dìu dịu theo điệu Nam-bình rồi tiếp đó, nhạc Nam bình nổi, màn từ từ chuyển khuất nhà bà Hoàng-phi, rồi Phạm thái lại trở ra; nếu dùng lối màn buông từ cao xuống, thì Phạm thái sẽ ra trước màn).

Cảnh III

(Cảnh núi rừng thăm thẳm)

Phạm thái

Giờ là lúc Lạng-sơn buồn ảo não,
Giờ là lúc lòng ta dâng vũ bão!
Rừng cao cao và mép núi lượn cong cong;
Gió vàng dài rên mãi hận suy vong...
(tiếng gió réo)
Chao nức nở trong muôn vàn sóng lá!
Chao ảm đạm mịt mờ mây hỏi tỏa...
Chao dìu hiu! dìu hiu! nặng dìu hiu:
Tiếng quyên sầu, rên họa dọng tiêu liêu...
(tiếng chim quốc xa xa)
Hồn non nước hay là hồn Tiên-đế?
— Lòng ta thắt, nơi hoang mang rừng quạnh quẽ:
Vua thăng hà, trong cảnh huống lao lung;
Đây ngậm ngùi, Trương hiền hữu lại lâm chung!
Cơ đồ hiết có còn mong dựng lại?
— Thuyền ngây sóng, va ghềnh, xiêu gãy lái,
Ngơ ngác đoàn thủy thủ giữa phong ba!..
Mây vàng qua...
Mây vàng qua;
Cành Lê sa,
Cành lê sa, thoi thóp ánh dương tà...
Sương la đà, gió la đà...
Gió sương rên rỉ ánh dương tà!
Mộng ủ ven rừng, tan tác mộng...
Chân trời hy vọng mịt mờ xa!
Mây vàng qua,
Mây vàng qua;
Tan tác cành Lê, tan tác rụng...
Não nề lối mộng, bóng thiên nga!
Thiên nga hề thiên nga;
— Cành Lê bảng lảng ánh dương tà!
Dương tà thổn thức, dương tà rụng:
Rừng thẳm chim bằng, gãy cánh sa!
Thiên nga hề thiên nga!...

(Phạm-Thái đi, âm nhạc dìu hiu (hành vân oán) màn trong từ từ chuyển, màn ngoài từ từ hạ).

***

Lời tổng kết chung cho hai vở PHẠM-THÁI — QUỲNH-NHƯ

Nào những bực hiên ngang dũng mạnh,
Đường ngược xuôi cô quạnh mịt mùng;
Lòng trai máu lạnh không rung,
Trước yêu kiều vẫn anh hùng tĩnh yên;

— Kịch dài bằng thơ —

Phạm Thái

Viết theo « Tiêu-sơn tráng-tiêu thuyết của Khái-Hưng

Số 10 PHAN KHẮC-KHOAN

Những chinh khách ngây thuyền ngợp sóng,
Đời gian lao sầu đọng tim khô;
Những ai phiêu bạt giang hồ;
Những ai chìm nổi cơ đồ rã tan!
Mà tình ai mê man chẳng tưởng,
Gót phong trần chẳng vướng yêu đương;
Sầu hờn rộn gió mười phương,
Đường xa ngựa nản, giây cương não nề!...
Thuyền hiệp nghĩa chưa kề tới bến,
Chim đại bằng chẳng đến thông xanh;
Lênh đênh chìm nổi lênh đênh,
Biển xa trời rộng, mênh mông biển trời...
Trải cay đắng một thời cao vọng,
Mà đìu hiu gió lộng bờ xa!
Mịt mù núi dựng bao la,
Dặm ngàn mỏi cánh thiên nga ngậm ngùi!
Trải bao độ bồi hồi mơ mộng.
Bóng sao xa in bóng ngựa hồng
Uy nghi hồi mộng kiếm cung,
Mặc đời mơ những gấm nhung bạc vàng.
Trải lúc mộng vinh quang bút mực,
Mặc đời mơ cùng bực vinh hoa;
Sao mơ dầu ánh lu xa,
Trăng mơ dầu bóng ngả tà về tây;
Mộng đã đắm thì say say mãi,
Chót mơ rồi đành phải theo mơ;
Mơ gươm đâu phải mơ vờ,
Mộng, thơ hưng phục: mộng, thơ anh hùng!
Đàn tâm-sự não nùng, thôi gẩy,
Bút quan hoài thôi nảy bi ca;
Giăng tuy buồn khuyết úa tà,
Hoa tuy rầu héo rã sa mặc dầu!
Đành là lẽ nhiệm mầu tạo hóa,
Nhưng lòng người, còn quá thiên công!
Xưa nay những đấng anh hùng,
Nào ai ngăn được nỗi lòng yêu đương.
Đời chớ đề thê lương rủ bóng,
Hồn đừng toan ngập sóng bi ai.
Ngày Mai, rực rỡ Ngày Mai,
Một trời châu gấm, một đài vinh quang...
Tình một thuở, giầu sang một thuở,
Mà Tương lai một lỡ khôn bồi;
Tình say nửa giấc mà thôi,
Mà vinh quang đến muôn đời còn say.
Trời mây ám hôm nay rủ bóng,
Mai ồng tươi lồng lộng xanh cao;
Thương yêu sóng mới rạt rào,
Tâm tư thay gió ngạt ngào hương xa.
Lòng tin thắm như hoa mai sáng,
Lòng tin nồng như áng trầm xuân;
Hoan hân đời dệt hoan hân,
Lâng lâng ngời tỏa tinh thần muôn thu.
Mây tan rã, sao lu lại rạng,
Mắt sầu tư lại sáng ngời tin;
Kiếm thư là nghĩa là duyên,
Cơ đồ là mộng, thiên nhiên là tình;
Mộng thế ấy phiêu linh cũng mộng,
Tình đường kia không sống cũng tình;
Bút thần với ngọn gươm linh,
Dầu hai, dầu một: ba sinh nợ đời!
Đời là thế, mệnh trời là thế,
Cùng hay thông nào kể làm chi?
Vẫy vùng thỏa chí nam nhi,
Một trời lý tưởng: mê ly một đời!
Thực cũng thế, mộng rồi cũng thế...
Ai tri âm, ai kẻ chung tình?
Bụi hồng dầu vẳng mắt xanh,
Nghìn năm trí dũng anh linh vẫn còn...
Trông bốn bề đã mòn đôi mắt,
Ngắm non sông quặn thắt lòng son;
Nửa đời mộng lớn tình con,
Đã đành dang dở, nhưng còn tương lai!
Ngày Mai hứa Ngày Mai rực rỡ,
Ngày Mai tươi hớn hở Ngày Mai...
Thề ghi bể rộng sông dài,
Trời cao núi thẳm, chẳng sai ước nguyền!
Lòng tin mạnh đưa thuyền tới bến,
Chim đại bằng thẳng đến non xanh;
Khắp cùng bạt gió phiêu linh,
Bao la non nước mông mênh biển trời.
Ngẫm nhân sự hỡi ơi tình lụy,
Niềm ái ân mấy thủy bao chung?
Này đây tình với non sông,
Thắm tươi mầu sắc, đượm nồng tin say.
Sá chi những đắng cay từng trải,
Đã tài hoa thì phải phong trần!
Đảo điên đời đục vô ngần,
Riêng ai giữ lấy tinh thần siêu nhiên.
Thổi tắt sầu tư, gió tĩnh yên
Dìu trăng ân ái rải hương quên;
Chim ca nhạc rắc bình minh gấm;
Hoa nở đời tươi, hết não phiền...

(Hết)

PHAN KHẮC-KHOAN

Sổ lạc quyên sùng tu phần mộ cụ Thủ-khoa Nghĩa

(Do Hội Khuyến Học Cantho tổ chức)

Số 5

Cao-văn-Trạng Cao-văn công-ty..	10$00
Tạ-văn-Ấm Tham-tá lục-sự (Cần tho)..	3 00
Tô-quê-Hảo Giáo học (Cần-thơ)...	1.00
Lê-thị-Châu Giáo học (Cần-thơ..	0.50
Nguyễn-thị Châu Giáo học (Cần-thơ)...	0.50
Nguyễn-thi-Niễu Giáo học (Cần-tho)...	2.00
Cao-thị-Vã Giáo học (Cần tho)..	1 00
Công-thị-Tiếp Giáo học (Cần-tho)...	1 00
Lâm-thị-Tiêm Giáo học (Cần-tho)...	1.00
Võ-thị Tư Giáo học (Cần-thơ)...	1 00
Nguyễn-thành-Chương Sản-Tiền g...	5.00
Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn Hội khuyến Học (Cần-thơ)...	20.00
Đỗ-văn-Y Hội khuyến Học (Cần-tho)...	10 00
Trần-đắt-Nghĩa Hội khuyến Học (Cần-thơ)...	10.00
Bùi-văn-Sách Hội khuyến Học (Cần-tho)...	20 00
Phan-văn Bạch Hội khuyến Học (Cần-tho)...	10 00
Đinh-văn-Huân Hội khuyến Học (Cần-tho)...	10 00
Lê-văn-Đanh Hội khuyến Học (Cần-tho)...	3 00
Nguyễn-gia-Linh Hội khuyến Học (Cần-tho)...	3 00
Nguyễn văn-Dựt Hội khuyến Học (Cần-tho)..	3
cộng chung ..	1
số trước...	5
cả thảy .	6

(Còn nữa)

Sử-học luận-đàn

TRẦN-THỦ-ĐỘ,

một vị thủ-tướng độc-tài

của SÔNG-BẰNG

VỀ thế-kỷ thứ XIII trong lịch-sử Việt-nam đã sản-xuất được một danh-nhân đặc sắc, có một bản-ngã phi-thường. Danh-nhân ấy là Trần thủ-Độ, một người đối với nhà Lý (1010-1225) thường bị các sử-gia coi là một tay đại gian hùng, còn đối với nhà Trần (1225-1400) lại là một bậc khai quốc đệ nhất công-thần.

Lời xét-đoán sau đúng. Là vị Trần thủ-Độ đã lưu lại cho hậu-thế một công-nghiệp hiển hách xứng-đáng với những trang sử tốt đẹp nhà cầm bút dành riêng cho những bậc anh-hùng. Một người thiên học như Trần thủ-Độ mà một tay cáng-đáng bao nhiêu trọng sự, hết sức đem tài-năng ra khuông-phù xã-tắc để giang-sơn Việt-nam nguy rồi lại an, yếu mà hóa mạnh thì thật là một nhân-vật hiếm có. Không những Trần thủ-Độ giúp Trần Thái-Tông (1225-1258) dẹp yên giặc giã toàn cõi Việt-nam, lại còn có công cải-cách việc nước về 4 phương diện : kinh-tế, xã-hội, chính-trị và văn-học. Nhờ đó, dân tộc Việt-nam mới có tinh-thần đoàn-kết mãnh-liệt sau này hai phen [illegible]iền chống được cuộc ngoại-xâm [illegible]a quân Mông-cổ. Người ta chỉ [illegible] ca-tụng Hưng-Đạo Đại-vương [illegible] Quốc-Tuấn trong 2 trận đánh [illegible] Mông-cổ (1284-1288), nhưng [illegible]h người đã tạo ra bậc cứu [illegible]c anh hùng ấy là Trần thủ-Độ thì hậu thế đã lãng quên đi. Cả đến câu bất hủ « Đầu tôi chưa rơi xuống đất thì xin bệ hạ đừng lo ». Độ nói cùng vua Trần-Thái-Tông hồi năm đinh-tị (1257) lúc tướng Mông-cổ là Ngột lương-hợp-thai đem quân sang xâm-phạm cảnh-thổ nước Nam, người đời cũng ít khi nhắc đến !

Vậy thì, muốn công bình với Người Xưa, chúng ta có thể so-sánh Trần thủ-Độ với Richelieu (1585-1642), thủ-tướng triều vua Louis XIII (1610-1643) nước Pháp hay Gia-cát-Lượng đời Tam-quốc (222-265) Tàu.

***

Trần thủ-Độ người làng Tức-mặc, huyện Mỹ-lộc, phủ Xuân trường, tỉnh Nam-định, ra đời vào lúc giang-sơn Việt-nam trải qua một thời-kỳ rối-ren : Lý cao Tông (1176-1210) ham chơi, nhãng bỏ cả việc triều-chính. Đã thế, nhà vua còn hay xây cung-điện, và luôn luôn bắt trăm họ phục dịch khổ sở. Trong nước giặc giã nổi lên như ong vỡ tổ, còn ở miền biên-thùy thì bết người Trung-quốc lại đến người Chiêm-thành sang quấy nhiễu luôn.

Năm bính-thìn (1208), ở Nghệ-an, Phạm Du chiêu nạp những quân vong-mệnh, nổi lên cướp phá miền thôn-dã. Lý Cao-Tông sai phụng ngự Phạm bỉnh-Gi để binh đánh Phạm-Du. Du đại-bại nhưng va khôn-khéo tìm cách hối-lộ các quan trong triều để họ « gán » cho Phạm bỉnh-Gi những điều không hay. Tin lời gièm-pha ấy, Lý Cao-Tông hạ lệnh cho Phạm bỉnh-Gi đem quân về Thăng-long, bắt Gi giam lại. Bộ tướng của Gi là Quách-Bốc được tin, để binh vào Thăng-long cứu Phạm bỉnh-Gi. Thấy biến, Lý Cao-Tông giết chết Phạm bỉnh-Gi, rồi chạy lên mạn sông Quy-hóa (sông Thao ở phía bắc huyện Tam-nông, tỉnh Phú-thọ). Thái-tử Sam chạy về Hải-Ấp làng Lưu-gia (bây giờ là làng Lưu-xá huyện Hưng-nhân). Ở đấy thấy con gái Trần-Lý chủ-nhân Hải-Ấp có nhan sắc, thái-tử lấy làm vợ và phong Trần-Lý tước Minh-tự, cậu Trần-thị là Tô-trung-Từ (người làng Lưu-gia) làm điện tiền chỉ-huy sứ. Anh em họ Trần mộ binh về Thăng-long dẹp loạn rồi lên Quy-hóa rước Lý-Cao-Tông về cung.

Tháng mười, năm canh-ngọ (1210), Cao-Tông mất, trị-vì được 35 năm, thọ 38 tuổi. Thái-tử Sam lên ngôi vua, tức là Lý Huệ-Tông, phong Trần-thị làm nguyên-phi, phong em thứ tư Trần-thị là Trần-Tự-Khánh làm Trung-tín hầu và phong Tô-Trung-Từ — cậu Trần-thị — làm thái-uý Thuận-lưu bá.

Huệ-Tông nhu nhược, nhất-thiết việc gì dù nhỏ-mọn đến đâu cũng không tự-giải-quyết được. Bao nhiêu chính quyền đều thuộc về anh, em họ Trần. Việc triều-chính do Trần-Tự-Khánh quyết-đoán. Khánh tôn anh là Trần Thừa làm Nội-thị phán-thư. Tháng chạp, năm quý mùi (1223), Trần-Tự-Khánh mất. Trần-Thừa được đặc-cách thang Phụ-quốc Thái-úy và em họ Trần hoàng-hậu là Trần Thủ-Độ cũng được Huệ-Tông phong làm Điện-tiền chỉ-huy sứ.

, Nắm quyền-chính trong tay, Trần-Thủ-Độ đóng ngay vai thủ-tướng độc-tài ở vào thời-đại mà dân-chúng còn hết sức tôn-trọng quân-quyền. Cho nên, vượt ra ngoài khuôn-khổ thường, Trần-Thủ-Độ đạp đổ tất cả những thành-kiến cổ-hủ và gắng làm cho ngôi sao chánh-trị của mình càng ngày càng rực-rỡ. Do đó, gặp lúc Lý-Huệ-Tông khủng-hoảng tinh-thần, Trần-Thủ-Độ khéo dụ dỗ nhà vua bỏ cái ngai vàng chí-tôn, khoác vào mình bộ áo cà-sa làm một vị Hòa-thượng chùa Chân-giáo.

Huệ-Tông không có con giai, mà Trần Thái hậu chỉ sinh được 2 người con gái : chị là Thuận-Thiên công-chúa đã gả cho Trần-Liễu — con trưởng Trần-Thừa — em là Chiêu-Thánh công-chúa (chính tên là Phật-Kim) lên 7 tuổi. Huệ-Tông yêu quý công-chúa Chiêu-Thánh lắm, nên tháng 10 năm giáp-thân (1224), truyền ngôi cho, tức là Lý Chiêu-Hoàng.

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn-sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànội : *Hiệu sách Đồng Tây 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Vân Hòa 29 Maréchal Pétain*
Saigon : *Nhà sách Nguyen-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

Đến đây, Trần-Thủ-Độ đã thực hành được một phần ý-định. Độ quyết chiếm-đoạt cơ-nghiệp nhà Lý, nhưng đối với một giòng họ trị vì 216 năm, truyền được 9 đời vua, công-việc ấy không sao thi-hành ngay trong chốc-lát. Bởi vậy, Độ cần đến người giúp việc đắc lực. Người ấy là Trần Thái-hậu. Độ tư-thông với Thái-hậu để ngầm mưu việc chuyển dời tộ-vận nhà Lý. Tháng chạp, năm ất-dậu (1225), Độ đứng chủ hôn cho Lý Chiêu-Hoàng lấy cháu Độ là Trần-Cảnh (con Trần-Thừa) bấy giờ 8 tuổi.

Lý Chiêu-Hoàng truyền ngôi cho chồng. Và, ngày 21 tháng 10 năm ất-dậu (1225) Điện-tiền chỉ-huy sứ Trần-Thủ-Độ giả danh nhà vua, ban ra một tờ chiếu hạ giá và nhường ngôi của Lý Chiêu-Hoàng. Chiếu đó như sau này :

« Từ xưa bậc đế vương Nam-việt trị nước cũng có nhiều vị. Duy có nhà Lý ta vâng mệnh trời trùm ra bốn bể, các vị vua thánh nối tiếp hơn 200 năm, không may Thượng-hoàng mang bệnh, không kẻ nối ngôi, thế nước sắp nguy mới cho Trẫm nhận minh chiếu. Trẫm miễn-cưỡng nối ngôi, từ xưa đến nay chưa từng có vậy. Than ôi ! Trẫm là bực nữ chúa tài đức đều kém, giúp-rập không người, giặc-giã nổi lên như ong, sao có thể nắm giữ thần-khí là vật rất trọng-yếu ? Trẫm thức khuya, dậy sớm, chỉ sợ không kham nổi. Mỗi lần nghĩ đến việc tìm người hiền-lương, quân tử cùng giúp chính trị, lo lắng đêm ngày đến nay đã quá vậy. Kinh Thi rằng : « Cầu chàng quân-tử tốt đôi, cầu mà không được, thức ngủ trằn-trọc, lâu thay ! » Nay Trẫm tính toán kỹ chỉ ở Trần-Cảnh văn chất đầy-đủ rõ ra dáng bậc hiền nhân quân tử, ý nghĩ lẫm liệt có đủ vẻ thánh thần văn võ, dẫu là vua Hán Cao-Tổ, Đường Thái-Tông cũng không hơn được. Nghĩ rằng hôm sớm đã lâu thử cũng đã kỹ rồi, nên chi nhường ngôi lớn để yên lòng trời, để xứng đáng lòng Trẫm, may chi chung lòng gồm sức tôn phù tộ-vận nước để hưởng phúc thái-bình. Nay bá-cáo cho thiên-hạ ai nấy đều nghe biết ».

Trần Cảnh lên làm vua tức là Trần Thái-Tông (1225-1258). Nhưng, công việc trong nước đều ở tay Thái-sư thống quốc hành quân chính thảo sự Trần-Thủ-Độ quyết đoán. Các quan trong triều, đứng trước tình-thế ấy đều nổi lòng công-phẫn. Khốn nỗi thế-lực Trần Thủ-Độ to quá, áp đảo cả họ, nên họ đành phải nhẫn-nhục tuân theo. Chỉ có quần-chúng đã giải bày sự luyến cố quân bằng những lời khẩu-chiếm :

« *Trống chùa ai đánh thùng thùng,*
« *Của chung ai khéo vẫy vùng nên riêng* ».

(Xem tiếp trang 21)

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam. .	3$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng. .	2 00
Khoa chữa Phổi. . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa.	1 [illegible]
Sinh lý học.	1 [illegible]

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$[illegible]

Hỏi : *M Nguyễn-xuân-Dương Lạc long 22 Tientsin Hanoi*

MỘT VÀI KIỂN VĂN
trong dịp đi thăm làng Bồi-khê

VU-NGÃ

THEO chương-trình ban trị-sự hội Thân-hữu thể thao, cuộc đi chơi bằng xe đạp Hà-nội — Bồi-khê ấn định vào ngày chủ-nhật 20 Juin 1943.

Đoàn thanh niên, với xe đạp, sắp hàng ba, khăn gói gọn-gàng. Đúng 6 giờ rưỡi, theo hiệu còi, lên đường, bắt đầu đi từ trước cửa Hội-quán, số 65, phố Trường-thi, Hà-nội.

Buổi sáng, không-khí còn mát mẻ, (mát mẻ hơn mọi ngày vì hôm nay nắng đã dịu) anh em thể-thao lại sung sức, nên ai nấy đều tươi-mưởi, hăng-hái. Đoàn du-lịch ước chừng 200 người (Hôm trước có tới 300 người biên tên) qua phố Cửa Nam, phố Hàng Lọng, rẽ xuống Khâm-thiên rồi vào con đường Hà-đông — Vân-đình. Giờ này hàng phố đã dạy, ai nấy vui mừng khi đoàn thanh-niên lướt qua trước mắt, và có ý tiếc không được dự cuộc đi chơi.

Vào tới đầu cầu Hà-đông, anh em dừng bánh, nghỉ ngơi. Tôi dựng xe ở cầu si-măng liền với xe của P. Nam.

Tôi nói đùa với P. Nam rằng: Trong anh em mình, ai có tài làm thơ thì thử làm một bài tức-cảnh sông Nhuệ nghe chơi. Nói chưa dứt lời thì một anh bạn y-phục Nippon đọc 2 câu lục bát sau này:

Nhuệ giang nước chảy một giòng,
Ngàn năm cỗi lạc mầm hồng càng tươi.

Như bị lôi cuốn, tôi cũng đọc luôn mấy câu cho đỡ buồn:

Nhuệ-giang cuồn cuộn chảy,
Thăm thẳm muôn dặm xa!
Trải biết bao thế-kỷ,
Bồi đắp nước non nhà.
Mầm Hồng cùng cội Lạc,
Ngày một ngày tươi ra.
Đồng bào 25 triệu
Hùng cứ một sơn-hà.

Đọc xong tôi mới hối hận xưa nay mình có làm thơ bao giờ, thấy có người sướng thì nối lời cho vui, chứ biết cách-điệu ra sao mà dám cả gan đánh trống qua cửa nhà sấm.

— « Anh Trọng-Thìn và anh Vũ làm thơ nghe được »! P. Nam vội tán-dương.

Lúc đó, tôi mới rõ anh bạn bộ đũi đeo băng kia là Trọng-Thìn.

Nhân cuộc đi chơi hôm nay, tôi được biết thêm nhiều bạn. Rút-rát cũng phải mạnh-bạo, tối-tăm cũng phải sáng-suốt. Thảo nào Đông Tây kim cổ vẫn thường ca ngợi những cuộc du-lịch:

« *Ở nhà nhắt mẹ nhì con, Ra đường lắm kẻ còn ròn hơn ta* »;

« *Voyager c'est s'instruire, cela étend les idées et abat l'amour-propre* »: du lịch là học tập, du lịch mở rộng ý-niệm và dẹp lòng tự-ái;

« *Đi ngày đàng, học sàng khôn* »;

« *Qui a beaucoup voyagé, a beaucoup retenu* »: có du lịch nhiều với thâu thái được nhiều điều hay.

Lại câu: « *Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư yên* »: ba người cùng đi, người hay làm gương sáng cho ta theo, kẻ dở khiến ta coi-chừng mà đừng phạm lỗi, người hay kẻ dở đều là thầy ta cả. Ai bảo Đông Tây không gặp nhau?

Sau mấy phút nghỉ ngơi giải khát, đoàn du-lịch lại lên đường thêm phần hăng hái. Người ngâm thơ, kẻ hát sướng, cười nói huyên thiên. Ngót 200 con ngựa sắt giong ruổi trên đường thiên-lý, trong một bầu không-khí trong sạch tươi sáng, giữa khoảng đồng ruộng bát-ngát mênh-mông...

Người du-tử, khách văn-chương,
Ruổi giong vó ký trên đường thảnh thơi.
Mải trông non nước vui cười,
Thú vui non nước nối lời nước non...

Đang say-sưa trong cõi mung-lung phiêu-diễu, bỗng một hồi còi của anh Đoàn-trưởng Đặng Vũ Hỷ rúc mạnh, làm tan giấc mộng thần tiên và reo mình vào cõi thực-tại. Anh em ai nấy đều xuống xe nghỉ ngơi: Đây là phố phủ Thanh-oai rồi. Nhìn đồng hồ mới chưa đầy 9 giờ. Đạp xe gần 2 tiếng đồng hồ vượt qua 21 cây số mà chả thấy mệt chút nào, tưởng-tượng như cuộc đi chơi phố vậy.

Vui quên nhọc,
Cảnh bồng-lai,
Xa trần-tục,
Bạn trúc-mai;
Đường muôn dặm,
Mặt anh tài.
Bao cảnh đẹp,
Khéo an-bài!

Lúc sắp lên xe, thì gặp anh Sinh ở phía phủ đi ra đường cái. Anh Sinh, một thiếu-niên « vui khỏe » đưa trẻ-em cắm trại ở vùng Cao-mật cách phủ-lỵ 2 cây số về tay phải. Anh ra mua thức ăn cho trẻ-em nên gặp chúng tôi. Anh có nhã-ý mời chúng tôi lúc về thì sang thăm trại thanh-niên Cao-mật và tắm mát giòng sông Đáy.

Trời hè ai cũng « yêu nước », mà mục đích là đi vãng cảnh, nên anh đoàn trưởng nhận lời ngay.

Anh em thể-thao lại lên yên và ung dung hàng 2 rẽ vào con đường giải đá ở phía tay trái phủ-lỵ. Đường này ăn thông ra mãi phủ Thường-Tín. Từ Thanh-oai vào Bối-khê chỉ còn có hai cây số nữa, nên anh em thong-thả tiến lên, mặt mày hoan hỷ, vì sắp tới nơi hẹn-hò.

Đoàn du-lịch qua xưởng pháo Bình-đà, đường tuy bụi, song dễ đi vì không có ổ gà. Ô-tô Đoàn-trưởng dẫn đầu để báo cho thân hào trong làng biết là đoàn thanh-niên sắp tới. Chưa đầy mười phút, kẻ trước người sau kế tiếp « đồ bộ » vào địa-phận xã Bối-khê. Qua chợ của làng: chợ to, nhiều quán ngói và đông người mua bán, cảnh-tượng sầm-uất. Đi khỏi chợ chừng trăm bước thì tới chùa. Dưới bóng mát của những cây muốn cổ thụ, thân hào làng Bối-khê niềm-nở tiếp rước anh em. Trước Tam-quan chùa lại có một đoàn trẻ-em sắp hàng 2 bên cửa vào thấy chúng tôi thì vẫy cờ giấy chào mừng.

Cuộc đón-tiếp giản-dị mà long trọng. Anh em tuy đến chỗ lạ nhưng chẳng khác ở nhà chút nào. Ba bạn Đức-Thành, Hồng-Khê và Lê-Huy-Phách đã khéo tạo nên một bầu không-khí thân-yêu. Các xe đạp được tuần tráng trông nom cẩn-thận. Anh em cứ việc phóng tâm đi vãng cảnh.

Qua tam quan một cái sân rộng rồi đến dịp cầu xây gạch rêu phong, 2 bên là giếng có bực xây, rồi đến tiêu đình nhà tám mái, kiến trúc đời Lý.

Các bạn vào sân trong. Hai bên là ruộng cao, ở dữa là đường lát gạch có hai ụ đất to chừng dăm thước vuông trên giồng cây, mỗi ụ có một con voi đá đứng chầu vào nhau. Rồi đến cái bệ đá trước chùa có bát phù-hương đá. Mỗi khi đảo vũ hay rước sách, thì rước kiệu ra đặt trên bệ đá

Chùa Bối-khê tên là « Đại-bi-tự » — ba chữ hãy còn rõ-ràng trên nóc chùa — qui-mô rộng rãi. Trên tam quan, phía ngoài có 4 chữ « *Bối-khê hiền tích* », phía trong có 4 chữ « *Thanh đồng trùng quan* ». Hai bên chùa, tay phải có nhà thờ Tứ-dân, tay trái có nhà bia Nhà bia có bia đá to cao gần 2 thước tây, khắc sự-tích đức Chân-nhân Bồ-tát thờ ở chùa trong. Chùa ngoài cao rộng, làm kiểu chuồi vồ như mọi chùa, thêm hai bên hành-lang có tượng các đệ tử đức Phật-tổ bằng gỗ. Hôm nay là ngày tiếp rước đoàn du-lịch nên nhà chùa tấp nập đông như ngày hội, đèn nến sáng chưng, hương trầm thơm nức, chiếu giải la-liệt. Sau chùa là nếp nhà 5 gian rộng, thờ đức Chân-nhân Bồ-tát, nghi-trượng rực-rỡ vô-cùng. « *Linh-thông hiển ứng* », bốn chữ vàng chói lọi ở gian giữa. Dưới là cái ngai sơn son thiếp vàng. Ngoài hiên có đôi câu đối :

Hiếu sinh đại đức tham khung truật,
Thanh chúng từ duyên kị sóc nam.

Các hoành phi câu đối nhiều lắm nhưng đại khái câu nào cũng ca tụng công đức uy linh của ngài cả.

Xem qua chùa và hậu cung một lượt thì các bạn giải khát : nước chè hạt nóng đã để sẵn 2 bên hành lang. Song đâu đấy các bạn ra cả sân chùa cùng với người làng chờ nghe anh Trọng-Thìn nói về lịch-sử đức Chân-nhân Bồ-tát một nhà kiêm tâm, trí giới, vượt qua bao nỗi khó-khăn, rồi làm đạt được mục-đích tu-hành.

Rồi đến anh Nguyễn Cát-Tường, biệt hiệu là Lemur, nhà họa-sĩ đã có sáng-kiến sửa đổi y-phục phụ nữ, nói về mỹ thuật của chùa Bối-khê. Bạn Lemur thú thật mới đến thăm chùa lần này là một nên chưa xem rõ. Song mắt nhà mỹ-thuật đã để ý tới mấy viên gạch cổ xây thềm chùa, cạnh mỗi viên có con rồng nổi uốn khúc. Rồi anh phân biệt rồng an-nam với rồng tàu thế nào. Theo anh, rồng tàu khoáng-đạt hùng-vĩ, rồng nam cũng nhiều khúc, có vẻ mỹ-thuật riêng, không kém gì rồng tàu. Nếu nhứt nhứt cái gì cũng theo kiểu tàu cả thì còn gì là tính-cách người Việt-nam nữa. Cho nên tuy nước ta theo văn-hóa Tàu mà cái gì cũng có cốt-cách An-nam, biểu lộ những đặc-tính của một dân-tộc. Vì thế có nhà làm đồ vàng bạc đã rập kiểu con rồng này thì được người ngoại-quốc sành mỹ-thuật ưa dùng hơn hết.

Đoàn thanh-niên ở chùa ra [illegible] tay phải, đi độ hơn trăm b[illegible] đến thăm nhà thờ cụ Nguyễn T[illegible]

(Xem tiếp trang

Tả-quân Lê Văn-Duyệt

(1763-1832)

Số 3

NGUYỄN TRIỆU

Thấy lòng dân đã hướng về như vậy, Nguyễn-vương đem hết đại-binh ra đánh Phú-xuân. Ngày mồng một tháng 5 năm Tân-dậu (11 Juin 1801) thủy-sư nhà Nguyễn vào cửa Tư-dung. Tướng Tây-sơn là Phò-mã Nguyễn van-Trị đem quân ra lập đồn trại giữ ở núi Qui-sơn (tức là Linh-thái). Tiền quân nhà Nguyễn đánh không lại. Sang ngày mồng 2, nhà vua đốc các đạo quân tới sông Trùng hà, Lê van-Duyệt bắt được Phò-mã Nguyễn van-Trị và Đô-đốc Phan van-Sách, và 500 quân đầu hàng. Đại-binh nhà Nguyễn liền kéo thẳng vào cửa Thuyền-hải (tức là cửa Thuận)

Ngày hôm sau là mồng 3 (nhằm ngày 13 Juin 1801) Nguyễn-vương khắc-phục đô-thành Phú-xuân.

Sang đến năm sau, mồng 2 tháng 5 Nhâm-tuất (2 Juin 1802) Nguyễn vương lên ngôi Hoàng-đế, kỷ nguyên Gia-long, phong cho Lê van Duyệt làm Khâm-sai chưởng Tả-quân dinh Bình-Tây Tướng-quân, tước Quận-công.

Ngài lại định ngự-giá đi dẹp Bắc-, sai Trung-quân Nguyễn van- ưng lĩnh thủy-binh, Tả-quân Lê Duyệt và Hậu-quân Lê-Chất . bộ binh, hai mặt cùng tiến. ng 6, quân bộ sang sông Linh- ng, tiến đóng ở Hà-trung, quân thủy vào cửa Hội-thống rồi lên đánh phá các đồn luỹ của Tây-sơn.

Không bao lâu, đến tháng 7 thì Khắc-phục xong Bắc-hà. Ngài đổi lại tên Bắc-hà làm Bắc-thành; đến tháng 9, hồi-loan về Huế, xuống chiếu vời Tiền-quân Nguyễn van-Thành ở Bình-định ra làm Tổng-trấn Bắc-thành và Tả quân Lê văn-Duyệt thì đi Kinh-lược Thanh-Nghệ.

Khi bấy giờ có đám giặc « Thạch-bích » tụ họp theo dọc núi Sơn-nam từ Quảng nghĩa giáp Quảng-nam, chúng tự xưng độc-lập, xâm-lấn vào biên-giới nước Nam.

Nam Quý hợi (1803) và năm Đinh-mão (1807) Tả-quân Lê van-Duyệt phụng mạng đi đánh hai lần mới dẹp yên được.

Bấy giờ vào năm Nhân thân (1812) vua Châu-lạp (Cao-miên bây giờ) là Nặc-Ông-Chân bị quân Xiêm sang chiếm thành Nam-vinh đánh đuổi, bèn đem cả thê-nhi chạy sang Tân-châu, dâng biểu cầu-cứu vua ta (1). Quan Tổng-trấn thành Gia-định bấy giờ là *hữu-quân* Nguyễn van-Nhân (2) sai quan trấn-thủ đồn châu-đốc là Nguyễn van-Thụy đem quân hộ-tống vua Chân-lạp về Gia-định rồi tâu việc ấy về triều-đình Huế.

Đức Gia-long cho sứ đưa thư sang trách Tiêm-la sinh sự. Năm sau, vua Xiêm cho sang phúc-đáp lại rằng việc ấy là muốn làm cho mấy anh em Ông-Chân giảng-hòa với nhau, chứ không có gì khác cả và xin để Hoàng-đế Việt-nam xử-trí làm sao thì Tiêm-triều cũng thuận . . .

Đến năm sau, Quý-dậu (1813) đức Gia-long xuống chiếu triệu Hữu-quân Nguyễn văn-Nhân về Huế và sai Lê văn-Duyệt vào làm Tổng-trấn thành Gia-định để điều-đình các việc Tiêm-la cùng Chân-lạp, lại sai đem hơn một vạn quân hội-đồng với sứ Tiêm-la đưa Ông-Chân về nước.

Tiêm-la bấy giờ tuy không kháng-cự, sang vẫn còn lưu quân đóng ở đất Chân-lạp.

Lê văn-Duyệt lại viết thư sang trách vua Xiêm về việc ấy, quân Xiêm mới rút về hết.

Lê van-Duyệt liền dâng sớ xin xây thành Nam-vinh. Khi thành xây xong, đức Thế-Tổ lại xuống chiếu sai quan trấn-thủ Vĩnh-thanh (Châu đốc) là Thụy-ngọc Hầu Nguyễn-van-Thụy đem một vạn quân sang bảo-hộ nước Chân-lạp.

Thời bấy giờ ta chưa có cái quan-niệm về xã-hội cứu-tế, phần nhiều việc thiện chỉ là làm phúc làm duyên mà thôi. Chính quan tả-quân Lê

văn-Duyệt sẵn lòng bác ái, thương-xót những trẻ mồ-côi của những kẻ vì nước bỏ mình, bèn khởi-xướng lập nên những hội gọi là « *Anh-hài* » và « *Giáo dưỡng* » Tùy theo sở-trường của các trẻ mồ-côi : đứa nào ưa việc cầm cương lên ngựa thì cho vào nuôi tại « Anh hài », còn những quả-phụ cùng các trẻ khác thì cho vào « Giáo-dưỡng » mà hưởng lộc nước và học chữ-nghĩa, tập bách-nghệ.

Đến năm Gia-long thứ 15, (Bính-tý, 1816) đức Gia-long lại triệu Lê văn-Duyệt về kinh và cho Nguyễn-Hoàng-Đức vào thay làm Tổng-trấn thành Gia-định.

Đức Gia-long biết trong mình sớm muộn làm sao rồi cũng phải băng, nên ngày mồng 3 tháng chạp năm Kỷ-mão (18-1-1819) thấy bệnh kịch bèn truyền chỉ triệu hoàng-tử Đảm (3) cùng Lê văn-Duyệt và Phạm đăng-Hưng vào chầu bên long sàng, ban dụ mọi lẽ để nhường ngôi cho hoàng-tử.

Đến ngày 11 thì quan *Lễ-bộ* là Đức quốc-công Phạm đăng-Hưng thảo tờ di-chiếu và cùng với *Tả-quân* Lê văn-Duyệt đều chịu cố-mạng. Sang đến ngày 19 tháng chạp thì đức Gia-long băng ở điện Trung-hòa, thọ 58 tuổi.

Tháng 5, năm Minh-mạng thứ nhất (1820) Lê văn-Duyệt lại phụng-mạng vào làm Tổng trấn thành Gia-định. Bấy giờ vua Minh-mạng đã lên trị vì, nhưng cứ theo di mạng của Tiên-đế thì quyền-hành của Lê Tổng-trấn rất lớn : được phong chức cho các quan văn võ và cầm quyền sinh sát trong tay, không cần phải đợi mạng-lệnh Triều-đình.

Trong khi đào hai con sông từ Tân-an xuống Mỹ-tho (arroyo de la Poste) và từ Hà-tiên đi Châu-đốc (kinh Vĩnh-tế) Lê Tả-quân phải kíp ra Huế vắng vì có việc khẩn cấp khác. Duyệt để ấn tổng-trấn lại cho quan Hiệp-trấn là Hoàng công-Lý thay quyền.

Quan Hiệp-trấn Lý vốn là tham-quan có tiếng và lại ỷ quyền có con gái làm cung-phi vua Minh-mạng, nên trong khi vắng quan Tả-quân, Lý tha hồ vơ-vét và ức-hiếp dân chúng. Vì đã chắc có nhiều vây cánh tại triều và lại xem tình-thế chưa chắc Lê Tả-quân có còn trở vô đất Gia-định nữa không, nên Lý càng ngày càng tác tệ.

Vì có đơn kiện hay có tin ra đến Huế tới tai Lê Tả-quân, nên tức khắc Lê Tả-quân vào triều kiến tâu vua hay rằng có việc cần kíp phải vô Nam ngay. Thình lình Lê Tả quân vào đến công đường trong Gia-định thì đã thấy rất nhiều đơn kiện quan Hiệp-trấn về tội hối-lộ và tham-tang.

Sau khi tra xét đủ tang-chứng, Lê Tả-quân liền chiếu theo luật Gia-long lên án Hoàng công-Lý phải tử-hình, đệ án văn ra Huế tâu để Triều-đình biết, rồi đem Công-Lý ra pháp-trường chém liền.

Đức Minh-mạng xem thấy án văn tội-trạng quan Hiệp-trấn họ Hoàng và vẫn đã biết những sự nhũng-lạm của « quốc-trượng » xưa nay, thì khó lòng mà tránh khỏi bàn tay sắt của Lê văn Duyệt được, nên vội sai sứ hỏa-tốc đi ngày đêm đem chiếu chỉ và thư riêng vào cho quan Lê Tổng-trấn để hoãn sự gia-hình và cho giải Hiệp-trấn Hoàng công-Lý ra Huế cho Triều-đình làm tội. Sứ vào tới nơi thì Lê chỉ thản nhiên mà phục-chỉ rằng đã theo quốc-pháp xử xong án Hoàng công-Lý rồi. (4)

(*Còn nữa*)

NGUYỄN TRIỆU

Thống chế Pétain đã nói :

« Chúng ta không quản một sự cố gắng nào để cung hiến cho Tổ-Quốc những nam, nữ quốc-dân trong cần-lao và nghĩa vụ mà Tổ-Quốc cần tới. »

---

1) Từ lúc còn đời nhà Lê, các chúa Nguyễn vẫn giữ quyền bảo-hộ nước Chân lạp tức là nước Cao-miên bây giờ. Sau vua nước ấy là Nặc-ông-Tôn bị anh em ức hiếp bắt chia quyền ra làm ba : cho ông-Vinh làm Chánh-vương, ông-Tôn làm Nhị-vương và ông Thâm làm Tam-vương. Được ít lâu, ông Vinh giết cả ông Tôn và ông Thâm rồi giữ quyền làm vua một mình. Bấy giờ vua Nguyễn còn ở Gia định, năm Kỷ hợi (1779), sai Đỗ Thanh Nhân sang đánh Nặc-ông-Vinh và lập con Nặc-ông Tôn là Nặc ấn làm vua. Vì Nặc ấn mới có 8 tuổi, nên vương lại phải sai quan Chưởng-cơ Đỗ-Văn-Lân ở lại bảo hộ, nhưng đến khi Gia-định thất-thủ (năm nhâm-dần, 1782) thì quyền bảo hộ Chân lạp lại thuộc về Tiêm la.

Về sau, đến năm Bính thìn (1796), Nặc ấn mất, truyền ngôi cho con là Nặc ông Châu, vua Xiêm lại cho sứ sang phong, thế nên vua Chân-lạp vẫn phải thần phục vua Tiêm-la.

Đến năm Đinh-mão (1807, Nặc-ông-Chân lại bỏ Tiêm-la mà xin về thần-phục vua nhà Nguyễn, theo lệ tiến cống 3 năm một lần.

2) Xem Tri-Tân số 52 trang 15

3) Sinh tại chùa Tân-lộc Tân gần thành Gia-định ngày Đinh mão, tháng tư năm Tân-hợi nhằm ngày 13 Novembre 1792. Năm Minh-Mạng thứ 3, Hoàng-đế xuống chiếu đặt tên là chùa Khải-tường, mà nay là chỗ trường Chasseloup Laubat ở Saigon.

4) Mộ Hoàng công-Lý nay còn [illegible] đường Audouit tại Saigon và theo Trương Vĩnh-Ký chép trong cuốn « Souvenirs historiques de Saigon et ses environs » thì này là do vua Minh-mạng cho tiền xây Công-Lý lại còn một tội nữa là tư [illegible] với tỳ thiếp quan tả-quân trong khi vi[illegible] một ở nhà.

Bổ chính

(*Tiếp theo trang 9*)

Số 97 (trang 4, cột 3), ở chỗ sự-tích cụ Phan-thanh-Giản có chữ « quyền ấn tuần-phủ quan-phòng »; hai chữ « quan-phòng » tra tự-điển Tàu có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là nơi quan ải có binh lính đóng giữ; nghĩa thứ hai là: dùng để thay ấn (dụng dĩ đại ấn), ấn thì hình vuông, quan-phòng thì hình dài, hình dài tức là nửa cái ấn. Cứ như thế, thì quan-phòng là một thứ ấn riêng; nhưng theo tiếng ta, ấn là một tiếng chung, vậy có thể gọi là ấn quan-phòng; nếu gọi là « cái quan-phòng » thì phần nhiều không hiểu, mà tiếng cũng không được thanh.

Cũng số ấy, trang ấy, có chữ « vua ngự-giá Quảng-nam »; nguyên chữ nho là « giá hạnh Quảng-nam »: tra tự-vị Tàu thì vua đi gọi là giá (Thiên-tử hàng viết giá), vua đi đến đâu gọi là hạnh (Thiên tử sở chí viết hạnh). Cứ như thế, dịch là « vua ngự giá » không phải là sai.

Trang 5, cột 1 (vẫn bài *Phan-thang-Giản*) tôi có chép « Nhâm-hữu-Quang người cùng làng », nay chữa là « Vương-hữu Quang người cùng khoa ». Nguyên bên chữ nho là « đồng tịch nhân », cho nên tôi dịch là người cùng làng; nhưng tra trong *Quốc-triều hương-khoa lục* (quyển 1, tờ 59 a-b), thì Vương-hữu-Quang người Tôn-đức, Phan-thanh-Giản người An-thạnh, không phải người cùng làng; chỉ thấy chép hai cụ cùng đỗ một khoa hương. Mở đến từ-điển thì « cùng đỗ một khoa » lại là chữ « đồng niên », chứ không có chữ « đồng tịch ». Nay tìm riêng một chữ tịch thì có một nghĩa là sổ sách, một nghĩa là quê-quán. Cứ như thế, thì ba chữ « đồng tịch nhân » nên dịch là « người cùng tên trong sổ thi đỗ » (chỗ nhầm này nhờ có ông Thọ-xuân Lê-văn-Phúc ở Bến-tre chỉ giúp).

Số 101 (trang 8, cột 2), ở bài *Chữ Lạc với chữ Hùng*, tôi có nói quyển *Việt-điện u linh* của Lý-tế-Xuyên làm năm 1329, và quyển *Lĩnh-nam trích quái* của Trần-thế-Pháp và Vũ-Quỳnh làm năm 1492 đều là sau bộ *Đại-việt sử-ký toàn-thư* (làm năm 1479) Dưới chữ 1329, trên chữ *Lĩnh-nam*, mất câu: « nhưng đến năm Vĩnh-thịnh thứ tám (1712) Lê-hữu-Hỉ, hiệu Độn-phủ, đỗ tam-giáp tiến-sĩ khoa canh-thìn 1700, mới đem quyển *Việt-điện u linh* ra lưu hành »; vậy tuy làm từ năm 1329, nhưng mãi đến năm 1712 mới có người tìm ra (thích tầm nhi ngẫu hoạch), thì cũng có thể cho là sau quyển *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*.

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sách giá trị

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC
của PHAN VĂN HỦM
Giá 2$80

THI HÀO TAGORE
của NGUYỄN VĂN HAI
Giá 4$80

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT
9, LAMBLOT — Hanoi

Một vài kiến văn...

(*Tiếp theo trang 17*)

Từ đường này quy mô vừa phải nhưng cao sáng sạch sẽ, tự sự giản dị nhưng tôn nghiêm, rõ hẳn cái đức kiện ước của nhà nho thủa trước.

Cụ Nguyễn Trực (1417-1473) tên tự là Công-Đĩnh, người xã Bối-khê, Thanh-oai, cha là Thời-Trung.

Triều Lê Thái Tôn (1434-1442) niên hiệu Thiện-bình năm đầu (1434) xuống chiếu cầu hiền, cụ Thời-Trung về tài học được vua vời làm quan Quốc-tử-giám thư-khố tiền giáo-thụ. Khi chơi Hương-hải-am ở núi Thày (Sơn đông), cụ có đề bài thơ sau này:

Lan-nhã (1) ỷ nham u
Lâm sơn nhất kính tu
Trì khoan tiên đắc nguyệt,
Đồng cổ tảo tri thu.
Điểu khước ba gian túc,
Ngư phiên mộc mạt du.
Nhất tăng thiền định cửu
Vân trọng lãn hồi đầu.

Dịch:

Ven núi, cửa triền tĩnh,
Đường vào thăm thẳm sâu.
Cho to, mau đón nguyệt;
Hang cổ sớm sang thâu.
Giữa sóng, chim ngủ kỹ;
Trên cây, cá rờn lâu.
Thày tăng mải thiền định,
Mây nặng, biếng quay đầu.

(*Còn nữa*)

VU NGÃ

1) Chú của Tòa soạn — « Lan-nhã » là do tiếng « a-lan-nhã » trong chữ phạm mà người rút gọn lại nghĩa là nơi ở không-tĩnh nhàn tịch của nhà chùa.

Đón coi

Những lý-do của một chương-trình
Nguyễn Nhân
Chỉ-hướng của thanh-niên tân học
Phạm-mạnh-Phan
Nam đàn bát phâu
Thơ của Tùng-Vân
Diễm ảnh chiều hè
Thơ của Nguyễn-Đan-Tâm

Trần-Thủ-Độ...

(Tiếp theo trang 15)

để ám chỉ sự khờ-khạo của Lý Huệ-Tông và sự chiếm đoạt quyền-chính của Trần Thủ-Độ. Lời khẩu-chiếm ấy truyền từ miệng người này sang miệng người khác đã công-nhiên có một bản-sắc riêng. Nhưng đấy chỉ là một vang bóng. Vì, muốn khỏi để mối di họa về sau, Trần-Thủ-Độ còn đến chùa Chân-giáo buộc Lý Huệ-Tông phải thắt cổ tự tử. Các cung nữ nhà Lý, Độ đều gả cho những tù-trưởng ở mạn ngược. Rồi « nhổ cỏ phải nhổ hết rễ », Trần Thủ-Độ còn trừ cả các tôn-thất nhà Lý. Năm nhâm-dần (1232), nhân khi làm lễ tế tiên-hậu nhà Lý ở thôn Thái-đường (làng Hòa-lâm, huyện Đông-ngạn, tỉnh Bắc-ninh), Thủ-Độ sai đào hầm làm nhà lá ở trên. Lúc các tôn-thất nhà Lý vào lễ đều bị xụp cả xuống hố. Trần-Thủ-Độ tức thời sai đổ đất chôn sống cả. Đã hãm hại tôn-thất nhà Lý rồi, Trần Thủ-Độ muốn cho hậu-thế không còn ai nhớ đến nhà Lý nữa, mới nhân tổ nhà Trần tên là Lý, Độ bắt trong nước ai họ Lý phải cải ra họ Nguyễn.

Những trung thần nghĩa sĩ của Lý-triều như Đoàn-Thượng, Nguyễn-Nộn tuy cũng có hợp nghĩa binh nổi lên lấy danh nghĩa là khôi-phục nhà Lý, nhưng công việc họ theo đuổi chẳng khác nào như cái bấc đèn dầu lạc đốt đến khi gần tắt cháy bùng lên một chút rồi lụn hẳn. Từ đó, Trần Thủ-Độ yên tâm sửa sang lại việc triều-chính đổ nát từ đời Lý Cao Tông (1176-1210).

Còn nữa)

SÔNG-BẰNG

Vấn-đề cống người vàng...

(Tiếp theo trang 3)

Còn biểu văn kèm với công-phẩm đó thì tức là tờ biểu như trên đã dịch.

Như vậy, nay đủ bằng-chứng mà nói quyết rằng đời vua Lê Thái-Tổ là triều-đại đem công người vàng trước tiên.

Dẫu vậy, ngày nay ta cũng đừng cho việc làm ấy là một tiết trong sự-nghiệp hùng-kỳ oanh-liệt của vua Lê Tổ. Tôi xin mượn lời phê-bình này của vua Tự-đức (1848-1883) mà bào chữa cho chỗ khổ tâm ấy của người đương thời : « Vua Lê Thái làm việc quyền-nghi... là do sự tình ngày bấy giờ có chỗ không đừng được đấy thôi. Ta không thể theo cái luận-điệu khắc-nghiệt của kẻ tục-nho mà chê được...» (3). Lời bình này tuy riêng chỉ về việc lập Trần-Cao, nhưng nay hãy tạm mượn để bình cả việc cống người vàng nữa.

Mà việc làm quyền-nghi ấy quả có công-hiệu : Sau khi tờ biểu cầu phong cho Trần Cao và lễ công người vàng ấy lọt vào triều đình nhà Minh, vua Minh muốn mượn cớ ấy để làm danh nghĩa mà thôi việc binh đao, bèn phong Trần Cao làm An-nam quốc-vương, bãi Bố-chính sứ ty ở Giao-châu và sai triệt binh kéo về nước. Vì vậy, qua tháng chạp năm đinh-mùi (1427), bọn Vương Thông phải rút quân về Tàu, khiến cho Nam Bắc được thôi việc can qua, nhân dân được yên nghỉ.

Vậy ta nên nhớ rằng cuộc đại-định của vua Lê Thái Tổ nếu phải tốn kém một, hai pho người vàng làm vật đại giá để khỏi chảy thêm máu đào của chiến-sĩ Đại-Việt, tưởng cũng không phải là đắt đâu.

HOA-BẰNG

1) *Khâm định Việt-sử, quyển 13, tờ 34.*

2) *Người làng Mộ-trạch, huyện Đường an.*

3) *Lời ngự phê trong Khâm-định Việt-sử, quyển 14, tờ 22*

MUỐN BIẾT :

TIỂU-SỬ CỦA DANH-NHÂN NAM-KỲ

Khoa Võ :

Đỗ thanh Nhân, Châu văn Tiếp, Võ Tánh, Ng. huỳnh Đức, Lê v Duyệt. Ng.-văn-Thành, Ng.-văn-Thoại, Trương tấn Bửu, Dương-công-Trừng.

Khoa Văn :

Võ trường Toản, Ngô-tùng Châu, Ngô nhân-Tịnh, Lê quang-Định, Trịnh-hoài-Đức, Phan-thanh Giản, Thủ-khoa Nghĩa, Đỗ Chiểu, Trương-vĩnh-Ký, Huỳnh mẫn Đạt, Cử Trị, Tôn thọ Tường, Học Lạc.

MUỐN BIẾT :

SỰ TÍCH MẠC-CỬU KHAI THÁC HÀ-TIÊN

Hãy đọc « **Nam-kỳ danh-nhân** »

Quyển sách này đã được Sở Tuyên-Truyền công nhận là hữu ích về phương diện lịch sử và khuyến khích.

Soạn-giả : ĐÀO-VĂN-HỘI

Trí-phủ Sở é aire de Province — à Soctrang

Sách dày gần 300 trương, bán 3$00 (cước 0$40).

Mua sỉ từ 10 quyển đến 20 quyển, huê-hồng 10%

— trên 20 quyển, — 20%

Sách có hàng mua mau kẻo hết

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 26

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Đặng-Lân rú lên :

— Nguyễn Mại ?

— Vâng Nguyễn Mại.

Bùi Đăng nói :

— Chính Nguyễn-Mại đấy, cậu ạ. Chỉ có nó mới dám hoành hành thế, chỉ có no mới có cái gan vào phủ ta, chỉ có nó mới có tài leo tường, bẻ xích. Con biết, nó đủ môn võ, quân Nguyễn khiếp danh không phải tay vừa. Bọn Bảo-Kim là bạn nó, nên nó đến cứu. Chính thằng Mại đấy, cậu ạ.

— Thằng ấy, không thể để yên được.

— Việc này nên từ-đồ. hiệu nó giữ chức Hộ thành binh-mã sứ, coi cả việc trị an trong kinh thành, Chúa thượng rất yêu. Nó mới về có năm sáu hôm, những bố anh chị ở kinh thành đã phải xa chạy cao bay. Nó lại khám phá ra một cuộc âm-mưu làm loạn, chúa thượng hiện đang xét, con tưởng cùng khó mà trêu được nó.

Đến như quan Tham tụng tao giết, chúa còn không nói gì. huống chi nó là một chức Hộ thành. Trước ta chỉ là quốc cữu, chúa nể ta một nay ta lại là phò mã, chúa nể ta mười. ta xin gì mà chúa chẳng nghe. — Nó phải chết với ta. Nó phải biết tay ta.

Lân suy-nghĩ một lúc, rồi truyền dõng dạc :

— Bay sắp kiệu để ta vào cung yết kiến Tuyên phi.

Mặt Đặng Lân lộ một vẻ vui mừng hèn-hạ. Hắn nghĩ :

Nguyễn-Mại, mày đến ngày tận) hay sao mà dám cả gan vào phủ)o nào động ! Thù này phải bảo.)o làm cho mày phân thây trăm)nh mới nghe.

Tiệc rượu đà bày lên. thơm th°) sang trọng. Cậu Trời đắc ý, rot chén rượu mừng mình và nói với mọi người :

-- Trời muốn giết thằng Mại đó ! Phen này, thì ta bảo được cả cái thù ở Long-Trì, cả cái thù đêm qua. Và cùng với Nguyễn-Mại, cả bọn thằng Bảo-Kim, ta cũng giết hết.

Trưa hôm ấy, Đặng Lân ở phủ chúa về, ngất nga ngất ngưởng, miệng thổi sáo, tay múa may, vui vẻ khôn xiết Bùi-Đăng chạy lại, xum xum xoe xoe, cởi áo, cất đai, treo mũ, lau giày, săn-đón hỏi Lân về kết quả, về ý chúa, về ý Tuyên-phi. Lân nhảy lên sập, tựa vào gối xếp, ruỗi chân cho bọn gia - nhân nắn, rồi tươi cười bảo Bùi-Đăng :

— Thế là xong. Thằng Mại phen này thì chết mất đầu. Tuyên-phi tức nó lắm, và thế sẽ làm hại nó kỳ được để rửa thù cho ta, ngài dặn ta phải đề phòng kẻo nó lại vào phủ, và khuyên ta hãy nhẫn nhục, đừng lôi thôi đến nó, vì nó là một tay võ nghệ cao - cường. Vừa may giữa lúc ta hầu chuyện thì Chúa-thượng vào. Ta chưa kịp nói thì Tuyên phi đã kể tội Nguyễn-Mại Ta chưa thấy ai nhanh trí như Tuyên-phi. Ngài đặt ra một câu chuyện khéo quá. Ngài vu cho Mại làm nhục ta ở giữa đường và nói rằng : « Mại khinh rẻ cả chúa-thượng, khinh rẻ cả tiện thiếp, bảo chúa là hoang-dâm vô đạo. công kích cả họ hàng chúa, lại xin mọi người chỉ nên tôn sùng nhà Lê và truất ngôi họ Trịnh, vv... » Chúa tái mặt đi. xem ý chúa tức giận lắm. Tuyên phi khuyên chúa không nên quá tin dùng Nguyễn - Mại, sợ nuôi một cái họa lớn. Chúa nói : « Ta cũng có ý gờm tên ấy. » Và Ngài hứa sẽ trừng trị nó. Còn ta, thì ngài hết sức bênh vực. Ngài sẽ xuống chỉ cấm mọi người bất kỳ quan dân phạm đến ta Ai trái lệnh, đem chém. Chúng bay bảo như thế. thì có nên mừng không ?

— Nên lắm, nên lắm, cả bọn gia-nhân nhao nhao nói. Có thế thì chúng con mới được yên tâm hầu-hạ cậu, chứ từ ngày thằng Mại về giữ chức hộ-thành, chúng con vẫn lo ngơm-ngớp

— Không phải lo, Đặng-Lân nói một cách qủa quyết. Mai kia thì thằng Mại rụng đầu. À, còn việc này nữa, là Tuyên-phi dặn ta phải săn sóc Quỳnh Hoa, kẻo Chúa-thượng biết quận chúa ốm thì chết cả. Ta thì chán con bé ấy lắm rồi, nhưng tình-nghĩa vợ chồng, ta cũng không nên tệ quá. Có quận - chúa đấy, ta mới dễ kêu cầu chúa - thượng, và thằng Nguyễn-Mại mới sợ ta.

Ngày hôm ấy, cậu Trời đặt một tiệc lớn, khao thưởng bọn gia-nhân, và những sự ngông cuồng dâm ác lại diễn ra trong lâu đài hắn.

Mấy hôm sau, có tin Nguyễn-Mại bị giáng hai cấp, và chúa xuống chỉ cấm Nguyễn-Mại không được lấy cớ là phòng giữ kinh thành, phạm đến hoàng thân quốc thích, nhất là tôn-tộc trong ngoài của họ Trịnh.

Bùi Đăng nói :

— Chúa còn để nó làm gì, lại không chém nó đi, cho hết một cái bướu. Giáng hai cấp thì mùi gì.

Đặng Lân nói :

— Cứ dần dần rồi nó phải chết.

***

Đã ngót hai tháng nay, Đặng Lân không xuất phủ. Dân gian đã mừng và cho rằng vì lấy Quận-chúa nên hắn đỡ ngông cuồng. Người ta đỡ lo nơm-nớp, nhiều người lại ca-tụng Quận-chúa, cho nàng là ân-nhân của

dân kinh thành, là người vợ hiền biết khuyên chồng, đã cảm hóa được một tên sắc quỉ hung-ác.

Nhưng có phải thế đâu, Đặng-Lân chứng nào vẫn giữ tật ấy,. Một hôm, hắn gọi Bùi-Đăng vào bảo :

— Ta đã lâu không đi chơi, chỉ vì bận việc Quận-chúa· Mà thực ra từ ngày cưới, ta không được lạc thú gì. Mấy chục đứa đàn bà trong phủ chả có đứa nào ta vừa ý. Nay ta cho cả chúng bay. Ta lại nhớ đến cô Ngọc, con viên tri - huyện Hoàng - công - Thành, mày có nhớ không ?

— Thưa cậu, sao con lại không nhớ ? Một bậc tuyệt thế gia - nhân. Người ta đã đồn là đẹp nhất kinh-thành. Phải, cái con ta gặp đi lễ với mẹ ở chùa Trấn - quốc, mà cậu bắt-trượt, phải không ?

— Đích đấy, con ấy thì ta mới thực vừa ý. Có đâu như Quận-chúa, gầy như que củi. Hôm nay, nhân được buổi mát trời, ta muốn đi săn chơi để bù lại những cái phiền từ ngày cưới. Phiền thực, thà chẳng cưới, cứ như trước lại hơn.

— Thưa cậu, cô Ngọc mà bỏ qua thì tiếc thực. Như con tưởng cậu hãy nên hoãn ít lâu. Thằng Nguyễn-Mại . . .

— Mày sợ thằng Mại à ? Sợ nó thì còn làm trò gì nữa ? Mày sợ nó chứ tao sợ nó ư ? Nó cứ trêu vào tao đây ; không nói cả họ nó, cũng bị trú - di. Một vị Quốc cữu, một ông Phò-mã, lại sợ một thằng Hộ-thành thì còn ra nghĩa-lý gì ?

— Thưa cậu, Nguyễn - Mại bướng lắm. Nhỡ ra . . .

— Bướng với ai, chứ nó dám bướng với Chúa thượng sao ? Tao chỉ thét một tiếng thì nó thất đảm. Nghĩn là nó chưa gặp tao đấy thôi.

Thấy Bùi - Đăng còn đứng tần ngần, Lân quát :

— Thằng chó chết, mày sợ đến thế kia à ?

— Thưa cậu con thấy lo lo, nên không muốn để cậu đi.

Lân cười ngặt nghẽo và nói :

— Khổ sở quá. Không ngờ chúng bay dát đến thế ! Đã có tao mà chúng bay còn sợ thằng Nguyễn Mại thì lạ thực. Thu xếp ngay không tao đánh chết cả lũ bây giờ Mau dàn bày nghi-trượng, tàn, quạt, và màn, giường, chăn, đệm, tao phải phá một bữa cho thực thỏa chí, bắt con Ngọc, bẻ nhị hoa mới thôi. Còn chúng bay tao cũng cho mạc ý, muốn làm gì thì làm.

Cả bọn, trừ Bùi-Đăng, hoa chân hoa tay sung sướng, Lân say sưa, vỗ vai Bùi-Đăng và nói :

— Mày là đứa thân tin nhất của tao, mày định làm cho cuộc chơi của tao mất vui hay sao, thằng kia ?

Đăng nói :

— Đi cũng được, nhưng cậu phải đề phòng lắm. Nên đem nhiều người đi, người nào cũng phải đủ khí giới mới được.

Mày can-thận cũng phải. Xuống tuyền tất cả hai trăm đứa. Bắt đứa nào cũng phải đeo gươm. Nhớ đem cả cỗ bàn, rượu chè, hoa quả, bánh trái thực nhiều, để ta thết đãi cô Ngọc. Màn giường chăn đệm phải sức cho thật nhiều nước hoa. Phường bát âm cũng phải đem đi, không có đàn sáo nhã-nhạc, thì mất vui. Ta phải đi cho thật sang trọng, cho xứng đáng cùng người ngọc.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Ai chưa biết chữ nho ?
Ai muốn học thêm chữ nho?

nên mua quyển

CHỮ NO — HỌC LẤY

Cử nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

Giá 1$00 — cước thường 0$12 — đảm bảo 0$32

không gửi tinh hóa giao ngân — Để cho :
hiệu Đông Tây. 195, hàng Bông HANOI

Các tiệm sách mua buôn có hoa hồng hậu

Là người Việt-Nam ai cũng nên dùng :

Dầu hỏa Việt Nam hiệu Thiên Thần

do cha Chúc chánh xứ Tựu-Liệt Văn-điển (Hà-đông) sáng chế.

Thắp rất sáng, không khói, không nhờn, không hao, bấc không rắn lại, ngọn đèn không lụt đi

Dùng vào đèn dầu tây cũ. — Giá rất hạ.

Mua buôn, mua lẻ, xin hỏi **Agence Générale pour l'Indochine** là Tổng-Phát-Hành ở số nhà 58bis, phố Huế — Hanoi giây nói số 494

NHỮNG SÁCH CỦA THƯ-XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT BẢN

1. — KIM-VÂN-KIỀU, tome I (hết)
2. — THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGỮ
của **Lê-văn-Nựu** *Giá 0$50*
4. — **LE PAYSAN TONKINOIS**
à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH
80 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu.
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại La 5$00
5.— **TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI**
của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.
Bản thường 0$50 — Bản giấy Đại La 5$00

SẮP XUẤT BẢN

6.— **Kim Vân Kiều tome II** (trọn bộ)
bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
460 trang khổ 17×23
có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bản thường 3$00 — Bản giấy Vergé bouffant *8$50*
Tổng phát-hành : **Mai-Lĩnh**
21 Rue des Pipes — Hanoi.

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ
KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục.*

Giá **2$40**

VĂN HÒA
29, Maréchal Petain — Huế

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16×25
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi — HANOI
51, Doumer — HAIPHONG

« Loại sách văn hóa »

Mới có bán *2$20*

ĐỜI SỐNG THÁI CỔ

QUYỂN II

HÀN-THUYÊN *trong bộ « Lịch sử thế giới »*
71, Tiên - Tsin, của **Nguyễn-đức-Quỳnh**
HANOI

ĐÃ XUẤT BẢN

NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ
của *Nguyễn-bách-Khoa 1$80*

GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI
của *Nguyễn-đức-Quỳnh 1$80*

ÓC KHOA HỌC
của *Phạm-ngọc Khuê 2$20*

Mua một cuốn giả tiền trước, thêm 0p.40 cước đảm bảo.

REVUE TRI TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur Gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hano